

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

THẮNG HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH



TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH: HẠT NHÂN CỦA XÃ HỘI LÀ GIA ĐÌNH

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến vai trò của gia đình. Bác Hồ khẳng định: “Quan tâm đến gia đình là đúng vì nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt hơn, hạt nhân của xã hội

là gia đình. Chính vì vậy, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội là phải chú ý hạt nhân cho tốt”(1) .

Theo Người, quan tâm đến gia đình nhỏ trước tiên là phải thực hiện nam nữ bình quyền. Nam nữ bình

quyền “là một cuộc cách mạng khá to và khó... Phải cách mạng từng người, từng gia đình, đến toàn dân. Dù to và khó nhưng nhất định thành công”. Với quan điểm đó, sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, đánh dấu một thời kỳ mới trong quá trình phát triển xã hội của dân tộc ta, vấn đề xây dựng gia đình mới đã được Hiến pháp thông qua với nhiều điểm tiến bộ. Trong quan hệ gia đình, nam - nữ bình đẳng như nhau, chế độ hôn nhân được pháp luật quy định là một vợ một chồng.



Trải qua các thời kỳ lịch sử, quan hệ gia đình ngày một được củng cố và hoàn thiện góp phần thúc đẩy việc hình thành và từng bước hoàn thiện quyền dân chủ trong quan hệ gia đình Việt Nam. Trong khi chú trọng xây dựng gia đình mới từ vật chất đến tinh thần, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra và phê phán những thói hư tật xấu trong gia đình như đánh vợ, ép duyên con, tảo hôn... Như thế, gia đình nào xây dựng được những mặt tốt và gạt bỏ những mặt xấu như Hồ Chí Minh đã chỉ ra thì sẽ tạo thành gia đình mới, gia đình văn hóa, tiên tiến. Đó không chỉ là môi trường để giáo dục nhân cách con người Việt Nam mà còn là cơ sở để xây dựng đời sống mới trong xã hội mới.

Để xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa cần có những gia đình mới và những con người mới. Đó là những gia đình thật sự văn hóa, có tôn ty trật tự. Khi quan niệm về đời sống mới ở mỗi gia đình, Bác nói: “Trong một nhà: Phải trên thuận, dưới hoà, bỏ thói mẹ chồng hành hạ nàng dâu, dì ghẻ ghét bỏ con chồng; ăn tiêu có kế hoạch, cưới hỏi, giỗ tết nên tiết kiệm, ăn ở sạch sẽ, thân mật và sẵn lòng giúp đỡ xóm giềng, gia đình hăng hái tham gia việc nước, ai ai cũng phải biết chữ”. Bác kết luận: “Trong một nhà như thế thì nhất định phát đạt”(2). Theo Bác, một gia đình mới, một gia đình tốt trong xã hội chủ nghĩa là một gia đình mà trong đó các thành viên trong gia đình phải biết yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, chia sẻ những khó khăn trong công việc cùng nhau, nam nữ bình đẳng. Phải đề cao và tôn trọng người phụ nữ. Do tàn dư của tư tưởng phong kiến, người phụ trong gia đình ngay cả ở thời điểm hiện nay cũng đôi khi bị coi thường. Không ít cảnh không bình đẳng khi người phụ nữ vừa phải gánh vác công việc xã hội, vừa phải lo toan việc gia đình. Đã thế, nhiều chị còn phải chịu cảnh bị bạo hành do có những người chồng vũ phu, cư xử thiếu văn hóa. Xuất phát từ yêu cầu của thực tế đó, để đảm bảo hạnh phúc gia đình và xây dựng gia đình mới ngày càng tốt đẹp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo xây dựng Hiến pháp và Luật Hôn nhân và gia đình. Gia đình là một tế bào của xã hội, là cơ sở tạo nên xã hội rộng lớn. Do đó, sự trường tồn của quốc gia, dân tộc phụ thuộc rất nhiều vào sự tồn tại và phát triển của mỗi gia đình.

Trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Đảng ta xác định vai trò của gia đình trong thời kỳ mới: “Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, thích ứng với

những đòi hỏi của quá trình CNH, HĐH. Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Tại Đại hội XI, Đảng ta một lần nữa nhấn mạnh: “Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội”. Quan điểm của Đảng cho thấy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì trước hết từng “tế bào” phải phát triển bền vững. Gia đình không chỉ là “tế bào” tự nhiên mà còn là một đơn vị kinh tế của xã hội. Không có gia đình tạo ra con người để xây dựng xã hội thì xã hội cũng không thể tồn tại và phát triển được. Gia đình không chỉ giữ vai trò nền tảng, tế bào của xã hội, mà còn là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống, hình thành nên nhân cách con người. Gia đình giữ vai trò đặc biệt quan trọng tới số lượng, chất lượng dân số và cơ cấu dân cư của quốc gia. Gia đình không chỉ dừng lại ở việc duy trì nòi giống, mà quan trọng hơn, gia đình phải trở thành môi trường tốt, đầu tiên để giáo dục nếp sống, hình thành nhân cách con người.

Nhận thức gia đình có vị trí, vai trò hết sức quan trọng đối với quá trình phát triển của đất nước, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm công tác chăm lo xây dựng gia đình bằng nhiều chủ trương, chính sách cụ thể. Đặc biệt, nhằm đưa gia đình Việt Nam phát triển phù hợp với thời đại, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 49-CT/TW “Về xây dựng gia đình trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước”, “nâng cao trách nhiệm của gia đình trong việc

xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hoá, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội”(3). Gia đình là tế bào của xã hội, cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của trẻ em. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc là góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày Gia đình Việt Nam 28-6 hằng năm là dịp để tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống của gia đình Việt Nam; tổ chức các hoạt động thiết thực, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng gia đình hướng tới sự phát triển bền vững, nhất là gia đình trong xã hội hiện nay. Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về gia đình đã mở ra điều kiện thuận lợi cho việc củng cố và phát triển gia đình Việt Nam. Đặc biệt, ngày 29-5-2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án “Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Mục tiêu chung mà Chiến lược hướng tới là xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội. Chiến lược đặt ra 3 mục tiêu lớn, trong đó, mục tiêu kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển; thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là đối với trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai, nuôi con nhỏ... là một mục tiêu quan trọng. Chiến lược cũng đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2015 đạt 85% và năm 2020 đạt 95% hộ gia đình dành thời gian chăm sóc, dạy bảo con, cháu, tạo điều kiện cho con, cháu phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tình

thần. Phần đầu đến năm 2015 đạt 85% và năm 2020 đạt 95% hộ gia đình thực hiện chăm sóc, phụng dưỡng chu đáo ông, bà, chăm sóc cha, mẹ, phụ nữ có thai, nuôi con nhỏ... Chiến lược cũng đưa ra mục tiêu nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình. Hằng năm, trung bình giảm từ 10 - 15% hộ gia đình có bạo lực, có người mắc tệ nạn xã hội.

Hơn hai mươi lăm năm đổi mới, xã hội và con người Việt Nam đã có những đổi thay đáng kể. Kinh tế hộ gia đình đã có bước phát triển mạnh, trở thành bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, góp phần không nhỏ vào quá trình xoá đói giảm nghèo. Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc giáo dục trẻ em đã tích cực góp phần xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, xã hội ngày càng ổn định và phát triển. Vai trò của phụ nữ trong xã hội và gia đình được đề cao. Các hoạt động cưới xin, tang lễ cũng có nhiều tiến bộ. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đã làm cho xã hội ngày càng có nhiều gia đình văn hoá, gia đình hiếu học, tộc họ văn hoá, thôn bản văn hoá, góp phần tạo dựng cuộc sống bình yên, văn hoá hơn, hướng thiện hơn trong mỗi gia đình và trong cộng đồng xã hội. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn của dân tộc và tô đậm thêm giá trị nhân văn của gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn nhiều vấn đề bất cập trong gia đình Việt Nam hiện

nay. Hiện tượng tảo hôn ở miền núi, tình trạng ly hôn, ly thân, chung sống không kết hôn... gia tăng đã để lại những hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt đối với gia đình và xã hội. Sự xung đột giữa các thế hệ về lối sống và việc chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi đang đặt ra những thách thức mới. Bạo lực gia đình, tình trạng buôn bán phụ nữ, trẻ em bị xâm hại, trẻ em lang thang kiếm sống, trẻ em vi phạm pháp luật có chiều hướng phát triển. Tệ nạn ma tuý, cờ bạc, rượu chè, mại dâm, đại dịch HIV/AIDS đã và đang xâm nhập vào các gia đình.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng giao lưu văn hoá với thế giới, ngoài yếu tố tích cực, hội nhập cũng đã mang theo vào đất nước ta những tư tưởng, văn hoá không lành mạnh, tác động và làm suy giảm, mai một giá trị truyền thống của dân tộc ta. Vì thế, trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống của gia đình là điều rất cần được coi trọng; trong đó phụ nữ giữ vai trò chủ đạo. Ảnh hưởng của người phụ nữ tác động đến hầu hết các lĩnh vực trong cuộc sống gia đình. Tám chữ vàng “Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang” mà Bác Hồ khen tặng đã thể hiện sự đánh giá cao về người phụ nữ Việt Nam của Bác, trong đó có sự ghi nhận sâu sắc những đóng góp trong cuộc sống gia đình. Trong bối cảnh đất nước và quốc tế đang có những thay đổi về mọi mặt, đặc biệt từ khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, thực hiện CNH, HĐH đất nước, gia đình Việt Nam ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng cơ bản của mình, trong đó đề cao và nhấn mạnh chức năng xã hội hóa cá nhân hình thành nhân cách con người.

Để khắc phục những hạn chế, những nguy cơ đối với gia đình theo quan điểm tư tưởng của Bác và định hướng của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng gia đình trong thời kỳ mới, cần nâng cao trình độ dân trí cho toàn dân, tăng cường giáo dục về vai trò và trách nhiệm của gia đình, của xã hội đối với sự phát triển của các thành viên nhằm phát huy mọi khả năng của gia đình tham gia vào sự nghiệp xây dựng đất nước, thực hiện thành công “Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

Tài liệu tham khảo:

1. Bài nói chuyện của Bác Hồ tại Hội nghị cán bộ thảo luận Dự thảo Luật hôn nhân và Gia đình, tháng 10-1959.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương, H, 2003.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, NXBCTQG, H. 1996, tr.112.

Trần Văn Toàn //
<http://www.xaydungdang.org.vn>

BÌNH ĐẲNG GIỚI - MỘT TIÊU CHÍ CỦA DÂN CHỦ, CÔNG BẰNG, VĂN MINH

Bình đẳng giới là vấn đề luôn được Nhà nước Việt Nam quan tâm và triển khai nhiều chính sách quan trọng mang lại quyền lợi bình đẳng giữa mọi người, đồng thời tuyên truyền, giáo dục để thay đổi quan niệm, tư duy của nam giới và chính nữ giới. Vì thế, vấn đề bình đẳng giới ở Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên trên thực tế, tình trạng bất bình đẳng giới vẫn diễn ra dưới một số hình thức khác nhau,...

Bình đẳng giới là một mục tiêu quan trọng cần hướng đến không chỉ của Việt Nam, mà của các nước trên thế giới, là một trong những tiêu chí đánh giá sự phát triển của một xã hội. Theo quan niệm của Liên hợp quốc, bình đẳng giới có nghĩa là phụ nữ và nam giới được hưởng những điều kiện như nhau để thực hiện đầy đủ quyền con người, có cơ hội đóng góp cũng như thụ hưởng những thành quả phát triển của quốc gia trên các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhiều năm qua, chính phủ nhiều nước trên thế giới

đã nỗ lực để mang lại bình đẳng giới cho con người, để con người thật sự được sống trong một xã hội văn minh, phát triển bền vững, nhân văn. Và, Việt Nam là một trong số các nước có nhiều thành tựu về thực hiện bình đẳng giới đã được ghi nhận, như: xây dựng và ban hành văn bản pháp quy thể hiện nguyên tắc về bình đẳng giới, là một trong các quốc gia xóa bỏ khoảng cách giới nhanh nhất trong vòng 20 năm qua, đã hoàn thành trước thời hạn mục tiêu bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ (đây là một trong các Mục tiêu Thiên niên kỷ mà chúng ta phấn đấu đạt tới); Việt Nam nằm trong nhóm nước có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội cao ở khu vực và thế giới (đứng thứ 43/143 nước trên thế giới và thứ 2 trong ASEAN); là nước dẫn đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương về các chỉ số bình đẳng giới thông qua việc cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục tới trẻ em gái, trẻ em trai, phụ nữ, nam giới, tỷ lệ mù chữ của nữ giới so với nam giới ngày càng giảm... Đây là

những con số rất có ý nghĩa, bởi việc thực hiện bình đẳng giới sẽ giúp mang lại các nguồn lợi lớn cho sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Về điều này, bà Tôn Nữ Thị Ninh, Phó Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Việt Nam, nguyên Đại sứ Việt Nam tại Liên hiệp châu Âu (EU) đã đưa ra một quan điểm đúng đắn về bình đẳng giới rằng, bình đẳng giới không đơn thuần là quyền lợi của chị em, mà chính là quyền lợi chung của một đất nước muốn phát triển bền vững. Bởi, nếu một đất nước chỉ sử dụng một nửa dân số, không phát huy được đầy đủ và tối đa năng lực của mọi người, của mọi công dân bất kể nam hay nữ thì thật là điều đáng tiếc.

Tuy nhiên, tình trạng bất bình đẳng giới đang có xu hướng tăng ở một số nước, một số lĩnh vực. Theo Báo cáo thường niên Khoảng cách giới toàn cầu (GGG) 2013 do Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) công bố, chưa có quốc gia nào đạt được bình đẳng giới như nhân loại mong muốn. Thông tin từ báo chí cho biết, theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) thì tình trạng bất bình đẳng trong lao động và thu nhập tại các công ty ở châu Âu đang tăng mạnh. Sự phân biệt đối xử với công nhân nữ rõ hơn khi nguy cơ bị sa thải cao hơn công nhân nam, hoặc họ phải chịu mức lương thấp hơn, nhất là trong điều kiện khủng hoảng kinh tế, phải áp dụng các biện pháp khắc khổ và cải cách lao động. Ngoài ra, theo báo cáo của Tổng Công đoàn quốc tế (ITUC), ở châu Âu trung bình phụ nữ thu nhập ít hơn 14,5% so với nam giới, trong khi đó, ở Mỹ khoảng cách này là 22,4%, ở Đức là 21,6%, ở Ca-na-đa là 27,5%, ở Nhật Bản là 33,4%... và ở các nước châu Á và Mỹ la-tinh, khoảng cách này còn lớn hơn nữa. Tại các nước là thành viên Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), tỷ lệ nhân viên nữ thấp hơn 13% so với nhân viên nam, và lương

của nữ thấp hơn 16% so với nam trong cùng một loại công việc. Đặc biệt, tỷ lệ lãnh đạo nam vẫn nhiều hơn nữ, trong lĩnh vực chính trị, nữ giới cũng ít được tham gia giữ vị trí cao trong nhà nước... Trong gia đình, phụ nữ vẫn phải làm việc nhiều hơn nam giới, vẫn phải chịu bạo hành và là nạn nhân của nhiều vụ xâm hại tình dục. Tất nhiên, không thể phủ nhận là các nước này đã và đang nỗ lực bền bỉ, có hiệu quả, để cải thiện tình trạng bất bình đẳng giới, nhưng để hoàn toàn xóa bỏ bất bình đẳng giới có lẽ cần những giải pháp bền vững, toàn diện hơn nữa.

Ở Việt Nam, bên cạnh các thành tựu đạt được về bình đẳng giới, chúng ta vẫn phải thừa nhận một thực tế là tình trạng bất bình đẳng giới còn diễn ra trên một số lĩnh vực, tồn tại dưới một số hình thức khác nhau. Theo website của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, bất bình đẳng giới là sự phân biệt đối xử với nam, nữ về vị thế, điều kiện, cơ hội bất lợi cho nam, nữ trong việc thực hiện quyền con người, đóng góp và hưởng lợi từ sự phát triển của gia đình, của đất nước. Nói cách khác, bất bình đẳng giới là sự đối xử khác biệt với nam giới và nữ giới tạo nên những cơ hội khác nhau, sự tiếp cận các nguồn lực khác nhau, sự thụ hưởng khác nhau giữa nam và nữ trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Thực tế ở Việt Nam hiện nay, bất bình đẳng giới còn thể hiện trên một số lĩnh vực xã hội quan trọng, phụ nữ vẫn chịu nhiều gánh nặng công việc, thu nhập, phân biệt đối xử... Một trong những vấn đề bất bình đẳng giới là sự tham gia của phụ nữ trong cơ cấu tổ chức, quản lý xã hội còn hạn chế, đặc biệt ở cấp cơ sở. Theo đó, tỷ lệ cán bộ nữ làm công tác quản lý, lãnh đạo còn thấp so với các vị trí quản lý, lãnh đạo nói chung, so với sự gia tăng của lực lượng lao động nữ nói riêng. Mặc dù tỷ lệ này tăng nhẹ

qua các năm song chưa đồng đều, chưa ổn định, vẫn ở mức thấp so với mục tiêu đặt ra. Trong kinh tế, ở một số nơi vẫn đề chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ cùng một vị trí công việc vẫn diễn ra, cơ hội để phụ nữ tiếp cận những việc làm có thu nhập cao vẫn thấp hơn so với nam giới, lao động nữ chưa được đánh giá cao như lao động nam, là đối tượng dễ bị rủi ro và tổn thương hơn khi doanh nghiệp có nhu cầu cắt giảm nhân lực... Đặc biệt, tình trạng bạo hành phụ nữ vẫn diễn ra ở một số nơi, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi xa xôi. Một số trường hợp phụ nữ bị bạo hành nghiêm trọng mà chưa được chính quyền, người chung quanh bảo vệ. Có những phụ nữ phải âm thầm chịu bạo hành gia đình trong nhiều năm mà không dám tố cáo. Thực trạng này, một phần do nhận thức hạn chế của người dân về luật pháp nên chưa biết tự bảo vệ; một phần, do chế tài xử phạt chưa đủ mạnh nên thiếu sức răn đe. Bên cạnh đó, vấn đề chăm sóc sức khỏe, nhất là sức khỏe sinh sản của phụ nữ ở một số vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ y tế. Theo bài viết trên Tạp chí *Cộng sản*, ở Việt Nam tỷ suất tử vong mẹ còn cao so với một số nước trong khu vực, tỷ suất này vẫn giảm chậm trong 10 năm qua. Trong một số trường hợp, việc chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ chưa được chú trọng tuyên truyền đúng mức. Không chỉ nam giới, mà bản thân phụ nữ cũng chưa quan tâm sức khỏe sinh sản của chính mình và không áp dụng các biện pháp phòng tránh thai an toàn dẫn tới hậu quả nghiêm trọng. Một số gia đình, dù phụ nữ tham gia đóng góp kinh tế như nam giới nhưng vẫn phải làm nhiều việc nhà hơn và nam giới vẫn thường là người đưa ra các quyết định quan trọng,... Vì thế, bất bình đẳng giới vẫn diễn ra ở một số

nơi, trên một số lĩnh vực và phần thiệt thòi thường vẫn thuộc về phụ nữ.

Có nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới. Trước hết là tỷ lệ sinh chênh lệch giữa nam và nữ đã khiến mức chênh lệch giới trong độ tuổi lao động tăng, dẫn đến sự bất bình đẳng giới trong lao động. Số lượng người làm công tác bình đẳng giới còn thiếu, cộng với hạn chế về kiến thức giới, kỹ năng lồng ghép giới... nên việc tuyên truyền bình đẳng giới còn hạn chế. Cùng với đó là tỷ lệ nghèo, lạc hậu ở một số vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số làm cho lao động nữ không được đến trường học nên chưa biết chữ, từ đó chưa chủ động tham gia hoạt động xã hội, tham gia các tổ chức xã hội nhằm mang lại sự bình đẳng cho chính mình. Nhiều quan niệm cổ hủ, lạc hậu, trọng nam khinh nữ, phụ nữ chỉ ở nhà quanh quẩn bếp núc, phụ nữ phải lo chuyện gia đình, trẻ em gái không cần học nhiều... còn tồn tại ở nhiều nơi, tạo nên nguy cơ không hoàn thành mục tiêu bình đẳng giới ở Việt Nam. Cũng phải khẳng định rằng, nhận thức của một số người, đặc biệt là nam giới, còn thiếu tôn trọng phụ nữ, thiếu tôn trọng những giá trị mà phụ nữ mang lại cho cuộc sống. Trong khi đó, nữ giới vẫn phải đảm đương việc gia đình nhiều hơn nam giới. Đáng nói là còn một bộ phận không nhỏ nữ giới chưa nhận thức đầy đủ về quyền được bình đẳng của mình, chấp nhận chịu bạo hành, chịu sự phân biệt đối xử một cách gàn như là hiển nhiên. Vì thế, để cải thiện tình trạng bất bình đẳng giới, bên cạnh các chương trình hành động, các chính sách hỗ trợ của chính phủ, sự bảo vệ của hệ thống pháp luật, các biện pháp tuyên truyền giáo dục, thì quan trọng hơn là tất cả mọi người, cả nam giới và nữ giới đều cần tự giác thay đổi quan niệm về phân biệt đối xử, nữ giới cũng

cần phải tự nâng cao trình độ, sự hiểu biết để vừa tự bảo vệ bản thân, vừa tích cực tham gia các hoạt động xã hội, qua đó khẳng định tự ý thức về quyền được bình đẳng của mình.

Bình đẳng giới là một trong các yếu tố để xác định một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Phụ nữ là một nửa thế giới, phải được tôn trọng, được công nhận giá trị, vai trò xã hội cũng như cống hiến của họ. Ông K. Matsuura, nguyên Tổng Giám đốc UNESCO từng khuyến cáo: “Không nên xem bình đẳng giới một cách thiên cận như là vấn đề chỉ của riêng phụ nữ, nó đặt ra cho chúng ta những câu hỏi cơ bản về bản chất các mối quan hệ trong xã hội chúng ta. Đó là vấn đề đòi

hỏi cả nam giới và phụ nữ cùng ngồi lại với nhau tìm ra các giải pháp sao cho vừa mang tính thực tiễn vừa phải dựa trên các nguyên tắc. Nhưng các giải pháp trên sẽ không được chấp nhận hay bền vững nếu sự bình quyền, chân giá trị, công việc của nam giới và nữ giới không được tôn trọng”. Như vậy, việc xây dựng xã hội có bình đẳng giới, bảo đảm bình đẳng giới là lời kêu gọi không chỉ của riêng nữ giới, mà của mọi người, là mục tiêu cần sớm hoàn thành của các quốc gia, để từ đó góp phần xây dựng một thế giới phát triển bền vững.

Thụy Du //

<http://www.nhandan.com.vn>

NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Với nhiều hoạt động tuyên truyền, sinh hoạt câu lạc bộ, mô hình, cấp phát tờ rơi, tờ bướm... công tác bình đẳng giới ở huyện Châu Thành A đã thu được nhiều kết quả đáng ghi nhận, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về bình đẳng giới, xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.



Công tác tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới luôn được địa phương quan tâm thực hiện.

Mô hình hay

Được thành lập 2 năm nay, mô hình “Gia đình hạnh phúc, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới” ở thị trấn Bảy Ngàn đã góp phần làm thay đổi nhận thức người dân về công tác bình đẳng giới, xây dựng gia đình hạnh phúc. Mô hình được triển khai đến tận ấp, tại mỗi ấp thành lập một tổ “Gia đình hạnh phúc, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới”. Các tổ sinh hoạt với nội dung gắn với các vấn đề liên quan đến đời sống gia đình và xã hội, đặc biệt là hoạt động hòa giải các bất hòa trong hôn nhân gia đình, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các vụ việc bạo lực gia đình.

Tham gia mô hình từ những ngày đầu mới thành lập, ông Trương Hùng Cường, ở ấp Thị Tứ, thị trấn Bảy Ngàn, đã được cung cấp nhiều kiến thức về Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em... Từ đó, ông đã tuyên truyền cho cả gia đình biết và hiểu. Bà

Nguyễn Thị Chi, vợ ông Cường bộc bạch: “Mỗi khi tổ sinh hoạt, nếu tôi bận việc không tham gia, thì chồng tôi đều tuyên truyền lại. Qua đó, tôi cũng có thêm nhiều kiến thức về bình đẳng giới. Trong mọi công việc gia đình dù lớn dù nhỏ, vợ chồng tôi đều bàn bạc với nhau. Chúng tôi đều chia sẻ công việc nhà và giáo dục con cháu. Nhờ vậy, gia đình luôn hòa hợp, hạnh phúc, rộn rã tiếng cười”.

Không chỉ tuyên truyền trong gia đình, ông Cường còn là một trong những tuyên truyền viên tích cực về công tác bình đẳng giới tại địa phương. Ông Cường chia sẻ: “Trước đây, địa phương từng có trường hợp người chồng mỗi khi có rượu vào hay đánh vợ con, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Từ khi tổ gia đình hạnh phúc, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới ở ấp thành lập, được các thành viên của tổ tuyên truyền, giải thích những việc làm của mình là sai trái, gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, thậm chí có thể bị pháp luật xử lý, anh ấy đã thay đổi nhận thức và hành vi của mình”.

Với cách tuyên truyền, vận động gần gũi, dễ hiểu, dễ nhớ của các thành viên trong mô hình “Gia đình hạnh phúc, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới” ở thị trấn Bảy Ngàn đã góp phần làm cho tư tưởng trọng nam, khinh nữ dần được loại bỏ và nam giới ngày càng chia sẻ nhiều hơn với phụ nữ trong mọi công việc.

Thay đổi suy nghĩ người dân một cách tích cực

Không riêng mô hình “Gia đình hạnh phúc, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới”, các câu lạc bộ “Phòng, chống bạo lực gia đình” trên địa bàn huyện đã tích cực tuyên truyền, phổ biến đến người dân các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về gia đình, phòng ngừa bạo lực

gia đình. Giúp mọi người biết cách chủ động ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình mình. Bên cạnh đó, còn được giới thiệu các mô hình làm ăn hiệu quả, để áp dụng vào gia đình, góp phần nâng cao đời sống kinh tế. Bà Dương Thị Hiệp, Chủ nhiệm Câu lạc bộ Phòng, chống bạo lực gia đình ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Nghĩa A, cho hay: “Dù câu lạc bộ được thành lập mới 3 năm, nhưng thông qua các buổi sinh hoạt, người dân đã thay đổi trong suy nghĩ và cách ứng xử trong gia đình một cách đúng mực. Nhiều trường hợp mâu thuẫn vợ chồng, được thành viên câu lạc bộ tư vấn, tuyên truyền thành công, góp phần xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, xã hội văn minh”.

Cùng với công tác tuyên truyền phòng, chống bạo lực gia đình, vấn đề về bình đẳng giới cũng được các cấp ủy đảng, chính quyền huyện Châu Thành A quan tâm. Từ đó, phụ nữ huyện tham gia cấp ủy, HĐND các cấp ngày càng nhiều. Cán bộ nữ trong HĐND nhiệm kỳ 2016-2021 cấp huyện đạt 25%, cấp xã đạt 23,8%. Tỷ lệ nữ lãnh đạo các phòng, ban, ngành năm 2017 chiếm 28%. Từ kết quả trên cho thấy, huyện Châu Thành A luôn quan tâm thực hiện tốt công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ. Qua đó, vị thế của chị em trong gia đình và xã hội được nâng lên và sẽ tiếp tục có những tiến bộ hơn nữa.

Ông Phan Vũ Cường, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Châu Thành A, cho biết: “Thời gian qua, công tác phòng, chống bạo lực gia đình, công tác bình đẳng giới được địa phương triển khai đồng bộ, góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của mọi người. Thời gian tới, địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và vận động sâu rộng để người dân hiểu rõ vai trò, vị trí, trách nhiệm của gia

đình và cộng đồng trong việc thực hiện chính sách, pháp luật hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng ngừa những tệ nạn tiêu cực xâm nhập vào đời sống gia đình. Song song đó, duy trì và phát triển mô hình “Gia đình hạnh phúc, phòng chống bạo lực trên cơ sở

giới”, góp phần tạo chuyển biến về nhận thức, hành động của các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới...”.

Bài, ảnh: Bích Châu // <http://www.baohaugiang.com.vn>

CHUNG TAY XÓA BỎ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 định nghĩa “*Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với các thành viên khác trong gia đình*”.

Thực tế cho thấy nhiều hệ lụy nghiêm trọng do bạo lực gia đình gây ra, đáng lưu ý là: Bạo lực gia đình không chỉ gây tổn hại đến tâm lý và sức khỏe của người bị bạo hành mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý và sức khỏe của những đứa trẻ phải chứng kiến bạo lực gia đình. Đây cũng là nguy cơ gây tan vỡ và suy giảm sự bền vững của gia đình. Bạo lực gia đình là một mối đe dọa nghiêm trọng đối với cuộc sống của trẻ em. Trẻ em sống trong những gia đình người mẹ bị cha bạo hành sẽ có nhiều khả năng có các vấn đề về hành vi hơn so với những trẻ em khác. Nghiêm trọng hơn là hậu quả của những hành vi bạo lực tình dục. Không chỉ tổn thương về thể chất, mà tổn thương tinh thần cũng rất khó khắc phục. Khủng hoảng tâm lý, suy sụp tinh thần, hoang loạn, có xu hướng muốn tự tử, nhận thức lệch lạc về giới tính, ác cảm về vấn đề tình bạn - tình yêu hay nhận thức sai lầm về cuộc sống, muốn trả thù đời hoặc đi tìm sự quên lãng trong những tệ nạn khác là hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Tổn

hại từ bạo lực tình dục ảnh hưởng lâu dài, dai dẳng.

Trong thời gian qua tình trạng bạo lực gia đình xuất hiện ngày càng nhiều ở mọi nơi mọi lúc và phổ biến ở mọi tầng lớp xã hội với nhiều loại đối tượng khác nhau. Nghiêm trọng hơn, bạo lực gia đình đã xâm phạm đến quyền con người, danh dự, nhân phẩm, tính mạng của mỗi cá nhân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Thậm chí nó còn làm xói mòn về giá trị đạo đức, mất tính dân chủ trong xã hội và ảnh hưởng xấu đến suy nghĩ và hành vi của thế hệ tương lai.



Bạo lực gia đình được thể hiện dưới các dạng khác nhau, như:

- **Bạo hành thể xác:** Những hành vi như đá, đấm, tát... tác động trực tiếp

đến sức khỏe nạn nhân. Kiểu hành vi này hay xảy ra khi hai bên chênh lệch về sức mạnh thể chất như giữa chồng và vợ, bố mẹ và con hoặc con và bố mẹ già.

- *Bạo hành tình dục*: Ép quan hệ tình dục khi bạn đời không muốn. Ngoài ra hành vi loạn luân cũng được coi là bạo hành tình dục.

- *Bạo hành tinh thần*: Chửi bới, mắng nhiếc, im lặng không nói chuyện trong thời gian dài...

- *Bạo hành xã hội*: Ngăn không cho tiếp xúc với gia đình, bạn bè, bao vây kinh tế nhằm hạn chế các hoạt động mang tính cộng đồng. Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ. Chiếm đoạt, hủy hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình. Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính. Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

Luật bình đẳng giới được Quốc hội nước ta thông qua vào ngày 29/11/2006 với mục tiêu là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

Trong những năm qua, hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thông đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền Luật bình đẳng giới đến mọi tầng lớp Nhân dân, giúp cho người dân hiểu rõ hơn về mục đích, ý nghĩa của bình đẳng giới,

đảm bảo bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển. Qua đó, đã có chuyển biến trong nhận thức người dân, tư tưởng trọng nam khinh nữ dần dần được xóa bỏ, người phụ nữ có quyền lợi nhiều hơn, được quan tâm hơn trong cộng đồng. Tuy nhiên, đến nay người phụ nữ vẫn là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi nhất trong bình đẳng giới, có tới 38 % phụ nữ đô thị và 48% phụ nữ nông thôn phải hứng chịu bạo hành gia đình ở các mức độ và hình thức khác nhau. Do vậy, cùng với việc tuyên truyền thực hiện công tác bình đẳng giới, các cơ quan chức năng cần tiếp tục tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng về Luật phòng, chống bạo lực gia đình, góp phần giảm thiểu tình trạng bạo lực gia đình trong cả nước, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, làm hạt nhân và tế bào vững chắc để cổ kết cộng đồng và xã hội.

Để ngày càng giảm thiểu thấp nhất nạn bạo lực gia đình, đảm bảo an sinh xã hội, cả cộng đồng cần phải chung tay giải quyết, xem và nhận thức được rằng đây là vấn đề xã hội cần được quan tâm. Cùng với sự vào cuộc của các cơ quan chức năng, chính quyền, đoàn thể, hội, đặc biệt Hội phụ nữ; của các chương trình, chính sách của Đảng, Nhà nước, của hệ thống Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình; của công tác tuyên truyền, giáo dục xã hội, thì tác nhân gây bạo lực gia đình cần được giáo dục và đi đến nhận thức được rằng nạn bạo hành gia đình là vấn đề mang tính xã hội, đã có sự can thiệp của các cấp

chính quyền, và đó là hành vi phi nhân bản, xa rời mục tiêu phát triển con người trong xã hội hiện đại. Riêng đối với cá nhân là nạn nhân bạo lực gia đình cần phải thẳng thắn nhìn nhận vấn đề, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, với các lực lượng, đoàn thể xã hội để giải quyết vấn nạn xã hội này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cùng già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”... “Nhân dân ta anh hùng là nhờ có các bà mẹ Việt Nam

anh hùng”... “Dân tộc ta và Đảng ta đòi đòi biết ơn các bà mẹ Việt Nam đã sinh ra và cống hiến những người ưu tú, đã và đang chiến đấu anh dũng tuyệt vời bảo vệ non sông gấm vóc do tổ tiên ta để lại”. Vì vậy, mỗi cá nhân và cả cộng đồng hãy góp sức hạn chế, đẩy lùi nạn bạo lực gia đình đối với phụ nữ nói riêng, bạo lực gia đình nói chung, góp phần xây dựng xã hội ngày càng tươi đẹp, văn minh.

// <http://tuyengiaoangiang.vn>

PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Trước khi bước vào hôn nhân, ai cũng muốn có một gia đình yên ấm, cơm dẻo canh ngọt, thuận vợ thuận chồng, sống đến đầu bạc răng long. Nhưng trong thực tế không phải hoàn toàn như vậy. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến “Cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt” mà người chồng đã “thượng cẳng chân, hạ cẳng tay” với người đã từng đầu gối tay ấp bao năm. Đó chính là bạo lực gia đình.



Hình minh họa: An Ninh Thủ Đô

Bạo lực gia đình (BLGD) là thuật ngữ dùng để chỉ các hành vi bạo lực giữa các thành viên trong cùng một gia

đình. Hành vi bạo lực thường thấy nhất là giữa chồng với vợ. Nạn nhân của bạo lực thân thể thường là phụ nữ. Bạo lực gia đình xảy ra ở mọi quốc gia, mọi nền văn hoá, không phân biệt tôn giáo, giàu nghèo, trình độ học vấn cao hay thấp. Những hành vi bạo lực gia đình gây ra để lại nhiều tổn hại đối với cộng đồng xã hội, đặc biệt đối với nạn nhân bị bạo hành. Bạo lực gia đình là một thực trạng xã hội, nó bao gồm nhiều hình thức kể cả bạo hành về thể xác và tinh thần, lẫn cưỡng bức xâm hại tình dục.

Biểu hiện của BLGD thường thấy nhất là những hành vi thô bạo của người chồng đối với vợ. Có khi người đàn ông vô cớ đánh chửi hoặc xâm hại sức khỏe của người thân (thường do thua bạc, ghen bóng ghen gió, tự tưởng trọng nam khinh nữ bắt vợ phải đẻ bằng được con trai...). Có những khi biểu hiện bằng việc xâm hại tình dục, cưỡng bức, ép quan hệ khi vợ ốm đau hoặc có lý do về sức khỏe, tâm sinh lý. Đôi khi là bạo lực tinh thần: thường là sự đay nghiến chì chiết về một lỗi lầm nào đó trong quá khứ, hoặc

vì không làm ra tiền mà bị coi khinh. Những kiểu bạo hành này thường thấy ở típ người coi trọng của cải đồng tiền hơn tình cảm.

Có rất nhiều nguyên nhân của bạo lực gia đình:

BLGD nảy sinh do nhận thức về giới và sự bình đẳng giới còn hạn chế. Cũng có khi do quan niệm phong kiến “trọng nam khinh nữ”, tư tưởng gia trưởng, gia quyền còn nặng. Ở một vài trường hợp là do sự nhìn nhận, đấu tranh của người phụ nữ trước nạn bạo hành gia đình còn hạn chế, thiếu thẳng thắn, thiếu tự tin, cam chịu. Hoặc có thể do trình độ học vấn, năng lực nghề nghiệp, đặc biệt là tình trạng chênh lệch về nghề nghiệp giữa vợ và chồng là một trong những yếu tố gây nên nạn bạo hành trong gia đình. Đôi khi năng lực tự chủ tài chính của người đàn ông trong gia đình bị hạn chế, hình thành ở họ tư tưởng tự ty, hẹp hòi... cũng là nguyên nhân gây nên nạn bạo hành gia đình đối với người phụ nữ. Ngoài ra còn do tác động của các chất kích thích, của men bia, rượu, ma túy, của thói trăng hoa...

Nhưng nguyên nhân sâu xa vẫn là do tư tưởng coi khinh phụ nữ được truyền từ nhiều thế hệ. Họ coi người phụ nữ ngoài nhiệm vụ chăm lo, duy trì tổ ấm còn luôn phải phục tùng nam giới. Nạn nhân của BLGD không chỉ là phụ nữ mà còn cả trẻ em. Đôi khi người chồng muốn tỏ rõ sự “oai phong” khi “dạy vợ”. Nạn thất nghiệp, vô công rồi nghề của chồng cùng với thói gia trưởng rất dễ dẫn đến “thượng cẳng chân hạ cẳng tay” mỗi khi “chán đời”. Có những chị đầu tắt mặt tối lo kiếm tiền nuôi cả nhà mà vẫn bị chồng đánh đập “cho thỏa nỗi tù túng, “chặn trước” để vợ khỏi lên mặt khi mình là người “ăn bám”...

Chị em nín nhịn cũng góp phần làm gia tăng bạo lực gia đình. Có nhiều chị không dám phản ứng ngay từ lần đầu tiên, để chồng “được đăng chân, lân đăng đầu”. Đôi khi người vợ không dám lên tiếng chỉ vì “xấu chàng hổ ai” nể nang quá, nuôi tính gia trưởng hiếu hăng của chồng. Có những chị sợ bị người ngoài dị nghị rằng “có hư hỏng thì chồng mới đánh” nên bưng bít giấu diếm, thậm chí người ngoài có hỏi vết thương tích, còn nói tránh là bị ngã, bị va đập vào cửa.... Cũng có khi người chồng ngoại tình về đánh chửi ruồng rẫy vợ. Tệ hại hơn nữa: khi trước còn hàn vi, vợ chồng thương yêu nhau, đến khi người chồng thăng tiến, thấy có sự chênh lệch ruồng rẫy vợ mà không nghĩ đến những lúc khó khăn rau cháo có nhau, vợ đã từng là hậu phương vững chắc giúp chồng tiến thân.

Hậu quả của BLGD:

Bạo lực gia đình có ảnh hưởng lớn đến tinh thần và thể chất của người phụ nữ, có những trường hợp dẫn đến thương tật suốt đời, thậm chí tử vong. Qua các phương tiện thông tin đại chúng cho thấy không ít các trường hợp bệnh nhân nhập viện vì chấn thương do các tác nhân bạo lực gia đình gây ra, có những trường hợp rất man rợ và đáng thương tâm.

Nhiều vụ ly hôn ra toà là nguyên nhân của nạn bạo hành gia đình. Hậu quả ngoài hai người trong cuộc gánh chịu thì trẻ em cũng là đối tượng bị tổn thương rất nhiều khi bố mẹ chia tay.

Phụ nữ là những đối tượng nhạy cảm, vì vậy, các triệu chứng trầm cảm, stress mạnh, nguy hại hơn là sự suy giảm thần kinh đã trở thành bệnh là những di hậu của nạn bạo hành gia đình. Không chỉ thế, người phụ nữ còn là đối tượng hứng chịu những tổn hại về sinh lý dưới tác động của hành vi bạo lực về tình dục. Đồng thời, phụ nữ

- nạn nhân bạo lực gia đình - sẽ giảm năng suất lao động, giảm khả năng tạo thu nhập và việc làm.

Trong những năm qua, vấn đề phụ nữ và bình đẳng giới ngày càng được quan tâm. Tuy nhiên, trong quan hệ gia đình, phụ nữ vẫn là những nạn nhân chính của bạo lực gia đình. Có cả trường hợp nạn nhân đang được điều trị tại bệnh viện vẫn còn bị nhận những lời đe dọa về tinh thần và tính mạng.

Cần chung tay đấu tranh với BLGD

Trước những hậu quả để lại khá nghiêm trọng của nạn bạo hành gia đình, năm 2007, Nhà nước ta đã ban hành Luật phòng chống bạo hành gia đình. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nạn BLGD vẫn chưa được ngăn chặn triệt để. Có thể là do một bộ phận người Việt Nam chúng ta vẫn coi đây là vấn đề riêng tư, mang tính chất gia đình thuần túy, nên người phụ nữ chịu tác động của nạn bạo hành vẫn còn đơn độc. Mặt khác, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về hành vi bạo lực gia đình, sự tham gia của cộng đồng còn hạn chế, chưa thật sự đi vào chiều sâu, chưa thường xuyên. Để ngày càng giảm thiểu thấp nhất nạn bạo lực gia đình, rất cần mọi người chung tay giải quyết và nhận thức được rằng đây là vấn đề xã hội cần được quan tâm.

Cùng với sự vào cuộc của các cơ quan chức năng, chính quyền, đoàn thể, đặc biệt Hội phụ nữ, thì tác nhân gây bạo lực gia đình cần được giáo dục và đi đến nhận thức được rằng nạn bạo hành gia đình là vấn đề mang tính xã hội. Không nên coi đây là chuyện riêng tư của từng gia đình mà đó là vấn nạn bức xúc của xã hội. Vì thế, rất cần sự chung tay giúp đỡ của cộng đồng. Bên cạnh đó, rất cần những mái nhà chung, những địa chỉ tin cậy để giúp người bị

BLGD tìm đến lánh nạn và được khuyên nhủ tư vấn nhằm giúp họ yên tâm đoàn tụ với gia đình.

Riêng đối với nạn nhân bạo lực gia đình cần phải thẳng thắn nhìn nhận vấn đề, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, với các lực lượng, đoàn thể xã hội để giải quyết vấn nạn xã hội này. Chị em cũng cần trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ hiểu biết của bản thân, đặc biệt kiến thức gia đình, làm đẹp bản thân và nuôi dạy con cái. Chú ý đến kiến thức pháp luật, tìm hiểu Luật phòng chống bạo lực gia đình. Khi bị bạo hành không nên nín nhịn, bưng bít mà cần tìm đến cơ quan tư vấn, tìm đến sự giúp đỡ của người thân, của hàng xóm, các ban ngành đoàn thể để can thiệp kịp thời.

Trước khi bước vào hôn nhân, ai cũng muốn có một gia đình yên ấm, cơm dẻo canh ngọt, thuận vợ thuận chồng, sống đến đầu bạc răng long. Nhưng trong cuộc sống “cơm áo gạo tiền” mới nảy sinh nhiều vấn đề mà người trong cuộc không khéo léo xử trí sẽ rất dễ dẫn đến BLGD. Nếu mỗi chúng ta - đặc biệt chị em phụ nữ - không tự cứu lấy mình thì vô tình đã tiếp tay cho nạn BLGD hoành hành ngay trong chính tổ ấm của chúng ta.

Để đẩy lùi BLGD, mỗi cá nhân và cả cộng đồng hãy góp phần xây dựng xã hội ngày càng tươi đẹp, văn minh. BLGD sớm được đẩy lùi hay không, ngoài sự chung tay góp sức của xã hội và cộng đồng, chị em phụ nữ cũng cần nhận thức rõ vai trò tự cứu mình. Gia đình là tế bào của xã hội. Chị em hãy tạo ra nhiều “tế bào” tốt để có một xã hội không còn bạo lực gia đình. Đó không chỉ là ước mơ của chúng ta mà còn là khát khao cháy bỏng của trẻ thơ.

Nguyễn Thị Diệp //
<http://dantri.com.vn>

ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Bạo lực gia đình là vấn nạn của xã hội, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho con người, nhất là đối với phụ nữ, trẻ em. Đây không chỉ là vấn đề riêng của quốc gia nào, dân tộc nào mà nó là của toàn nhân loại. Ở một nước đang phát triển như Việt Nam vấn nạn này ngày càng trở lên phổ biến, có xu hướng gia tăng và cần phải có sự quan tâm rất lớn đi đôi với những hành động cụ thể của Nhà nước, của xã hội nhằm bảo vệ những đối tượng có thể là nạn nhân của bạo lực gia đình. Bài viết của tác giả đã khái quát được tầm quan trọng của việc xây dựng cơ chế bảo vệ phụ nữ khỏi các hành vi bạo lực cũng như những đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của phòng chống bạo lực gia đình. Trong phạm vi quốc tế là Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1945, Công ước Giơnevơ năm 1949; Công ước về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế xã hội và văn hóa năm 1966; đặc biệt là Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 nhấn mạnh sự cần thiết phải xóa bỏ nạn phân biệt đối xử với phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đối với Việt Nam, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã dành nhiều sự quan tâm tới việc phòng, chống bạo lực gia đình và đã ban hành nhiều đạo luật trực tiếp và gián tiếp như: Hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Bộ luật Dân sự, ..và đặc biệt Luật phòng, chống bạo lực gia đình, những văn bản này đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

Bạo lực gia đình hiện nay xảy ra ở tất cả các nhóm xã hội cơ bản, vượt qua ranh giới về khu vực, văn hóa, thu

nhập, mức sống, tuổi tác, địa vị xã hội... Nó là nỗi đau, mối lo ngại của không ít gia đình, của mỗi quốc gia và cộng đồng quốc tế. Nó xảy ra ở các nước phát triển và các nước đang phát triển, phương Đông lẫn phương Tây và ở mọi tầng lớp xã hội. Bạo lực gia đình cũng không phải chỉ mới xuất hiện trong xã hội hiện đại (hay là sản phẩm của xã hội hiện đại) mà nó tồn tại trong lịch sử xã hội từ hàng nghìn năm trước, nhưng chỉ được coi là các mối quan hệ có tính chất riêng tư giữa cá nhân, các thành viên trong gia đình, dòng họ. Vài năm gần đây, do tình trạng này ngày một gia tăng và hậu quả để lại cho xã hội là rất lớn, đặc biệt đối với nạn nhân trực tiếp là phụ nữ và trẻ em. Điều này đã khiến các nhà khoa học, các nhà hoạch định, tư vấn chính sách nhìn nhận, chú ý và nghiên cứu một cách nghiêm túc.

1. Pháp luật quốc tế với vấn đề bạo lực đối với phụ nữ

Theo Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) thì: “Bạo lực trên cơ sở giới là bạo lực giữa nam và nữ, trong đó phụ nữ thường là nạn nhân và điều này bắt nguồn từ các mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ, bao gồm những tổn hại về thân thể, tình dục và tâm lý (sự đe dọa, gây đau khổ, cưỡng bức, tước đoạt tự do xảy ra trong gia đình hoặc trong cộng đồng... Trước thực trạng bạo lực giới ngày một gia tăng, để kêu gọi toàn thế giới cùng đấu tranh xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ, năm 1999 Liên Hợp Quốc đã lấy ngày 25/11 hàng năm là “Ngày quốc tế về xóa bỏ nạn bạo lực đối với phụ nữ” và nguyên Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Kofi Annan đã nói: “Hăm hiếp phụ nữ, đánh đập phụ nữ trong gia đình, cưỡng

bức phụ nữ làm nghề mãi dâm, lạm dụng tình dục ở trẻ em, xúc phạm phụ nữ ở nơi làm việc và nhiều hình thức đối xử thô bạo khác với phụ nữ vượt ra ngoài ranh giới về văn hóa, tôn giáo và khu vực... phải đề cao quyền của tất cả phụ nữ được sống một cuộc sống không bị đối xử thô bạo, một cuộc sống bình đẳng, phát triển và hòa bình". Trước đây, do quan niệm bạo lực đối với phụ nữ là vấn đề cá nhân, gia đình nên luật quốc tế không có cơ chế bảo vệ tích cực, tuy nhiên các công ước vẫn ghi rất rõ nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử về giới tính.

Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1945, Công ước Gionevơ năm 1949; Công ước về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế - xã hội và văn hóa năm 1966; đặc biệt là Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 nhấn mạnh sự cần thiết phải xóa bỏ nạn phân biệt đối xử với phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. "Bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính mà có tác dụng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hóa việc phụ nữ được công nhận, hưởng thụ hay thực hiện các quyền con người và những tự do cơ bản... bất kể tình trạng hôn nhân, trên cơ sở bình đẳng nam nữ". Pháp luật quốc tế đã coi mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ đều là sự vi phạm nghiêm trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản của công dân, thể hiện sự phát triển đáng kể trong tiến trình xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, có những giá trị ràng buộc về mặt đạo đức và thể hiện sự đồng thuận, quyết tâm của các quốc gia. Tuy không có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý nhưng trong xã hội toàn cầu hiện nay, nếu chúng ta không có biện pháp can thiệp kịp thời để đẩy lùi bạo lực gia đình sẽ rất dễ bị các phần tử phản động lợi dụng dùng chiêu

bài nhân quyền để can thiệp công việc nội bộ chống phá đoàn kết, chia rẽ dân tộc, kìm hãm sự phát triển nhằm làm mất uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Do tính chất phổ biến và phức tạp của các hình thức bạo lực, nên việc xây dựng cơ chế bảo vệ phụ nữ khỏi các hành vi bạo lực là hết sức cần thiết.

2. Pháp luật Việt Nam với vấn đề bạo lực gia đình

Ở Việt Nam ngay từ buổi đầu dựng nước Nhà nước đã ghi nhận rất rõ quyền tự do, bình đẳng của mọi công dân được thể hiện trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 02/9/1945: "Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Tinh thần này được phát triển qua các bản Hiến pháp sau này của Nhà nước Việt Nam. Đến nay, trong quá trình toàn cầu hóa, Việt Nam đã phê chuẩn hầu hết các công ước quốc tế về quyền con người, các công ước có liên quan đến việc xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và triển khai các hoạt động nhằm trấn áp các hành vi xúc phạm nhân phẩm danh dự con người. Chúng ta cũng đã nỗ lực trong việc bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách và hệ thống pháp luật bảo vệ con người, không trái với tinh thần của luật pháp và các điều ước quốc tế cũng như phù hợp với truyền thống và phong tục Việt Nam.

Trong Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo năm 2002 đã nhìn nhận là bất bình đẳng giới và bạo lực gia đình là những cản trở đối với sự phát triển. Tuyên bố của Việt Nam trong Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đưa ra mục tiêu nhằm giảm khả năng dễ bị tổn thương của phụ nữ đối với bạo lực gia đình; hay trong Chiến lược phát triển gia đình

Việt Nam cũng đưa ra mục tiêu giảm mạnh bạo lực gia đình bình quân hàng năm từ 10-15%... Có thể nói, Nhà nước ta rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ con người, vì con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển, đặc biệt sự quan tâm đánh giá cao vai trò của người phụ nữ. Tuy nhiên, thực tế tình trạng bạo lực trong gia đình lại ngày một gia tăng và đáng báo động cả về số vụ lẫn mức độ nghiêm trọng, bất kể khu vực, thành phần, lứa tuổi hay địa vị xã hội. Vậy đâu là sự bất cập giữa lý luận và thực tiễn?

Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có văn bản luật hay chính sách hoàn chỉnh để có thể giải quyết vấn đề bạo lực gia đình. Hiến pháp năm 2013 đã đưa ra những cơ sở pháp lý cao nhất để bảo vệ quyền con người ở Việt Nam như tại khoản 1 Điều 20: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”. Ở mức độ nào đó, Bộ luật Hình sự; Luật Hôn nhân và gia đình có đề cập tới bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình ở các điều khoản như: Cấm hành hạ hoặc ngược đãi ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cháu hoặc người nuôi dưỡng; nghiêm cấm những hành vi bạo lực trong gia đình. Đối với bạo lực thể chất, hành vi cố ý gây thương tích cho người khác chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi thương tích của nạn nhân được cơ quan có thẩm quyền giám định là trên 11%. Thực tế, khi người phụ nữ bị chồng hành hung họ thường cảm thấy đau đớn, tủi nhục và tìm mọi cách giấu xung quanh, xa lánh mọi người, họ chỉ chịu đến bệnh viện khi thương tích trầm trọng nguy hiểm đến tính mạng. Đối với bạo lực tinh thần, Điều 155 Bộ Luật

Hình sự năm 2015 quy định “tội làm nhục người khác”, song mức độ nghiêm trọng về mặt tinh thần là rất khó xác định, đặc biệt khó đối với nạn nhân của bạo lực gia đình. Về bạo lực tình dục (chồng - vợ), thực tế đã xảy ra nhiều trường hợp nhưng hầu như chưa có Tòa án nào xét xử tội cưỡng dâm/hiếp dâm giữa chồng và vợ.

Trong văn hóa Việt Nam hiện nay, ngược đãi tinh thần và ngược đãi tình dục trong gia đình (chồng - vợ) vẫn chưa được nhìn nhận như một hình thức của bạo lực gia đình. Còn bạo lực thể chất trong gia đình chủ yếu vẫn được giải quyết bằng con đường hòa giải hoặc nội bộ gia đình hoặc Hội Phụ nữ khuyên giải với phương châm “một sự nhịn là chín điều lành”, “chồng nóng thì vợ bớt lời...” gợi hình ảnh tương lai vì những đứa con để đoàn tụ gia đình bằng những lời hứa, những bản kiểm điểm... chứ chưa giải quyết tận gốc vấn đề. Bạo lực gia đình chưa thể giảm khi còn tồn tại quan niệm bạo lực gia đình là chuyện riêng tư, là quyền dạy vợ của nam giới, chưa tạo được dư luận mạnh mẽ của xã hội lên án hành vi này. Tư tưởng về “quyền lực đàn ông” còn tồn tại trong nhiều nam giới hiện chưa được xóa bỏ. Bản thân người phụ nữ cũng chưa nhận thức hết về quyền và trách nhiệm của mình đối với gia đình, xã hội nên thường cam chịu và giấu kín.

Trong xã hội Việt nam, gia đình có vị trí hết sức quan trọng đối với mỗi con người. Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi xoa dịu mọi nỗi đau khi con người ta vấp ngã, gia đình có yên ấm thì xã hội mới phát triển. Nhưng hiện nay, bạo lực trong gia đình đang có nguy cơ biến nhiều gia đình thành nơi chỉ có ngược đãi, đau khổ, nước mắt, thù hận và sự chia ly. Cái giá phải trả cho bạo lực gia đình là vô cùng lớn không chỉ nạn nhân và con cái họ, mà cả gia đình và xã hội

cũng bị tác động rất lớn. Chúng ta hy vọng rằng, sau khi Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được thông qua, bạo lực gia đình sẽ từng bước được đẩy lùi. Đây sẽ là công cụ pháp lý hữu hiệu có vai trò đặc lực trong việc bảo vệ phụ nữ và trẻ em thoát khỏi các hành vi bạo lực, một xã hội trong đó các chức năng giáo dục trong gia đình được chú trọng, các thành viên trong gia đình thực sự yêu thương, gắn bó và sống có trách nhiệm với nhau. Gia đình được trở về với đúng nghĩa của nó “mái ấm gia đình”, cái nôi nuôi dưỡng trẻ thơ, khởi nguồn tốt nhất cho sự hình thành và phát triển toàn diện: Năng lực thể chất, tinh thần, trí tuệ và nhân cách.

3. Một số kiến nghị nâng cao hiệu quả phòng chống bạo lực gia đình

Trước hết, Nhà nước cần xây dựng chương trình thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hiệu quả; cần có cơ chế thực thi rõ ràng, chế tài nghiêm khắc đối với kẻ gây bạo lực, có chính sách hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân và có cơ quan chuyên môn giám sát việc thi hành Luật tại địa phương; đưa công tác quản lý bạo lực gia đình vào chiến lược quốc gia và đưa công tác tư vấn, trợ giúp các nạn nhân bạo lực gia đình thành công việc thường xuyên và cấp bách đối với cán bộ thực thi, coi công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản như một khởi điểm để phát hiện và giúp đỡ các nạn nhân của bạo lực.

Thứ hai, cần có chiến dịch dài hạn về truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi cho cán bộ các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân, đặc biệt là lãnh đạo địa phương về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Chiến dịch này nên được lồng ghép trong giáo dục phổ thông, nhằm thay đổi quan niệm về giới và các quan hệ quyền lực trong chương trình giáo

dục kỹ năng sống, chuẩn hóa các cơ chế giám sát để đánh giá tác động của những biện pháp can thiệp và bổ sung kịp thời các biện pháp mới. Nên tăng cường phổ biến nhiều hình thức truyền thông, chú trọng nhiều đến sự tham gia của nam giới cũng như của trẻ em. Hoạt động đào tạo các kỹ năng truyền thông cần được tăng cường và phổ biến rộng, có tài liệu dành cho từng nhóm xã hội riêng.

Thứ ba, cần xây dựng cơ chế chính sách cho các cơ quan thực thi và bảo vệ pháp luật, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trang bị các kỹ năng làm việc cho cán bộ thực thi, như cứu giúp nạn nhân và hướng dẫn họ kỹ năng tự bảo vệ mình trước khi có sự trợ giúp của cộng đồng, cách ly kẻ phạm tội và nạn nhân, ổn định trật tự công cộng. Cần sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức đoàn thể ở cơ sở và người dân, đặc biệt là các nhóm phụ nữ nhằm hỗ trợ và bảo vệ các nạn nhân. Các tổ chức đoàn thể địa phương nên thành lập các đội can thiệp, các tổ hòa giải, tổ tư vấn cơ sở và có chế độ phối hợp trong việc tuyên truyền về bình đẳng giới, về phòng chống bạo lực gia đình, các hoạt động này cũng cần được kiểm tra giám sát và rút kinh nghiệm thường xuyên, nên tác động cả với những nạn nhân và những kẻ gây bạo lực. Đưa vấn đề giới và phòng chống bạo lực gia đình vào các chương trình phát triển ở cơ sở, khuyến khích nhân dân tham gia. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thành lập các câu lạc bộ. Đưa vấn đề phòng chống bạo lực gia đình vào hương ước và giám sát việc thực hiện tại địa phương. Đẩy mạnh phong trào xây dựng làng văn hóa, khu phố văn hóa...

Thứ tư, cần tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình nhằm xóa bỏ tư tưởng cổ hủ trọng nam khinh

nữ trong các gia đình, dòng họ, đặc biệt là chủ gia đình, trưởng họ. Ký cam kết với các dòng họ về xây dựng gia đình văn hóa, dòng họ văn hóa và coi đây là một tiêu chuẩn để đánh giá gia đình văn hóa. Các cá nhân, đặc biệt là nam giới cần tích cực chủ động tham gia các phong trào xã hội ở địa phương, sinh hoạt câu lạc bộ, học tập kiến thức về gia đình, về bình đẳng giới, các quyền của phụ nữ và phòng chống bạo lực trong gia đình thông qua truyền thông. Bản thân người phụ nữ cần hiểu được quyền và trách nhiệm của mình trong công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Cần có kiến thức cũng như kỹ năng phòng tránh, tự bảo vệ mình và các con trước khi có sự trợ giúp từ phía các đoàn thể xã hội.

Bạo lực gia đình không chỉ gây tổn hại nặng nề đến tinh thần thể chất của nạn nhân mà còn ảnh hưởng đến những trẻ nhỏ vô tội và gia đình họ, đồng thời cũng tác động tới toàn xã hội. Bạo lực gia đình và việc xâm phạm danh dự nhân phẩm, quyền con người đi ngược lại với việc chúng ta xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Vì vậy, không chỉ đưa ra các giải pháp để đẩy lùi bạo lực gia đình, để tiến tới xóa bỏ mà cần phải có sự phối hợp hành động của tất cả các cấp, các ngành và toàn thể xã hội là điều hết sức cần thiết cho mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

ThS. Đỗ Chí Hiếu //
<http://tcdcpl.moj.gov.vn>

NGĂN CHẶN NẠN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Bạo lực gia đình là vấn đề mang tính toàn cầu, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho con người, nhất là đối với phụ nữ, nó làm hạn chế sự tham gia của họ vào đời sống cộng đồng, không chỉ gây hậu quả về thể chất, tâm lý cho bản thân phụ nữ mà còn với cả trẻ em, gia đình, toàn xã hội và vi phạm nghiêm trọng các quyền con người.



Ở Ấn Độ, mỗi năm có khoảng hơn 5.000 phụ nữ bị cướp đi mạng sống

của mình vì nhà chồng cho rằng của hồi môn không đủ. Ở Băng-la-đét, theo thống kê tội giết vợ chiếm 50% trong số vụ giết người. Như vậy, bạo lực gia đình đã vi phạm nghiêm trọng tới quyền sống của người phụ nữ.

Ở Việt Nam, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 đã định nghĩa: 'Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với các thành viên khác trong gia đình'. Như vậy, bạo lực gia đình bao gồm các yếu tố bạo hành về thể chất, tinh thần và cả về kinh tế; ngoài ra, theo phân loại các hình thức bạo lực gia đình còn có cả yếu tố bạo lực tình dục.

Nhiều thập kỷ qua, cùng với các chủ trương phát triển kinh tế, chính trị, an sinh xã hội Nhà nước và nhiều cấp ở địa phương chú trọng; vấn đề phụ

nữ, giới và bình đẳng giới. Nhiều phụ nữ nay được tín nhiệm, đề cử vào nhiều vị trí quan trọng trong chính quyền và xã hội. Theo Ủy ban về Các vấn đề xã hội của Quốc hội, nguyên nhân sâu xa của bạo lực gia đình là do tư tưởng bất bình đẳng giới, lối xử sự gia trưởng từng tồn tại dai dẳng ở nước ta. Từ lâu nay, chế độ phụ hệ, tư tưởng 'trọng nam, khinh nữ' kéo theo sự bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới. Trước đây, người phụ nữ bị hành hạ do sống phụ thuộc chủ yếu vào chồng. Khi nền kinh tế thị trường, vai trò của phụ nữ có nhiều thay đổi và thành đạt hơn chồng thế nhưng họ vẫn bị chồng ngược đãi. Theo nghiên cứu của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, những trường hợp này chiếm 72% trong số những vụ xung đột gia đình mà nguyên nhân là một số ông chồng cảm thấy địa vị trụ cột gia đình bị lung lay.

Theo thống kê của Tòa án Nhân dân tối cao, trung bình một năm trên cả nước có tới 8.000 vụ ly hôn mà nguyên nhân do bạo lực gia đình. Cũng theo số liệu thống kê của bệnh viện, các trung tâm, phòng cấp cứu lớn của cả nước, có hơn 27% phụ nữ bị ngược đãi nhập viện, hơn 10% điều trị y khoa nghiêm trọng hằng năm do nguyên nhân bạo lực gia đình.

Theo báo cáo của Bộ Công an, trên cả nước cứ khoảng 2-3 ngày lại có một người bị giết có liên quan đến bạo lực gia đình. Riêng năm 2005, có 14% số vụ giết người liên quan đến bạo lực gia đình (151/1.113 vụ giết người), trong đó có 39 vụ chồng giết vợ, tám vụ vợ giết chồng; sáu tháng đầu năm 2006, tỷ lệ này là 30,5% (26/77 vụ). Theo báo cáo của sở y tế một số tỉnh gần đây số bệnh nhân là nạn nhân của bạo lực gia đình ở An Giang có 1.319 bệnh nhân, trong đó có 1.011 người tự tử với 30 người chết; Gia Lai có 3.944 bệnh nhân, trong đó có 715 người tự tử

với 27 người chết; Bắc Giang có 464 bệnh nhân, trong đó có 174 người tự tử với ba người bị chết...

Những năm gần đây một số tổ chức quốc tế đã giúp Việt Nam xây dựng mô hình Ngôi nhà bình yên để hỗ trợ phụ nữ và trẻ em là nạn nhân của bạo hành gia đình, cố gắng xoa dịu nỗi đau của những con người không may mắn đó; tuy nhiên mô hình này chỉ là giải pháp cuối khi chưa có lối thoát.

Mặc dù ở nước ta Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đã có hiệu lực từ tháng 7-2008 nhưng hiện tượng bạo lực vẫn chưa thuyên giảm. Làm thế nào để đưa luật vào cuộc sống, ngăn chặn được tình trạng bạo lực gia đình. Số liệu khảo sát điều tra xã hội học cho biết: Bạo lực gia đình ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của trẻ chiếm 91,0%, gây tổn hại về sức khỏe, thể chất: 87,5%, gây tổn thương về tâm lý, tinh thần: 89,4%, gây tan vỡ gia đình: 89,7% và làm rối loạn trật tự, an toàn xã hội: 89%. Với tuổi thơ hậu quả là hết sức nguy hại vì nó làm cho các em mất niềm tin vào các thành viên gia đình, từ đó chán học, sa ngã vào các tệ nạn xã hội hoặc có hành vi phạm pháp.

Nguyên nhân bạo lực gia đình do các tệ nạn xã hội mà người chồng hoặc vợ mắc phải, như nghiện rượu, sa vào cờ bạc, con cái vi phạm pháp luật... Đây là nhóm nguyên nhân được nhiều người đồng thuận nhất, bởi ai cũng dễ thấy tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình thì thường dẫn đến vợ chồng lục đục, kinh tế khó khăn, suy sụp, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt và khi đó, bạo hành đối với vợ con là điều khó tránh khỏi.

Điều đáng quan tâm nữa là một số nạn nhân của bạo lực gia đình có tâm lý cam chịu, không muốn tố cáo, sợ 'vạch áo cho người xem lưng'. Nhiều vụ bạo lực gia đình gây hậu quả nghiêm

trọng nhưng hình phạt dường như còn quá nhẹ. Vì vậy tính phòng ngừa răn đe hạn chế.

Phòng, chống bạo lực gia đình phải được kết hợp đồng bộ với nhiều giải pháp, song lấy phòng ngừa là chính; cần chú trọng trước hết là công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình và làm tốt công tác tư vấn hòa giải và đi đôi với phòng, chống tệ nạn xã hội.

Làm tốt công tác tuyên truyền sẽ giúp thay đổi nhận thức, hành vi trong ứng xử về gia đình, từ đó dần xóa bỏ bạo lực gia đình, đề cao truyền thống tốt đẹp của con người, gia đình Việt Nam. Hoạt động truyền thông cần nêu rõ nguyên nhân bạo lực gia đình là sự bất bình đẳng giới, là tư tưởng 'trọng nam khinh nữ', phân biệt địa vị, vai trò

của phụ nữ và nam giới trong gia đình. Những năm gần đây chiến dịch truyền thông phòng, chống bạo lực gia đình đã được phát động với khẩu hiệu: 'Mình là đàn ông, mình chống bạo lực gia đình' hướng tới số đông nam giới.

Xây dựng các thiết chế gia đình bền vững được xem là giải pháp nội lực để phòng tránh bạo lực gia đình. Vì vậy đòi hỏi các tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận đoàn thể xây dựng được quy chế, quy ước nhằm hạn chế mâu thuẫn có thể bùng nổ thành xung đột, tạo dựng hình ảnh gia đình chuẩn mực: no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững.

Phùng Thủy //

<http://www.nhandan.com.vn/>

CÁC NHÓM BẠO LỰC GIA ĐÌNH, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP CỦA HIỆN TƯỢNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Gia đình là nơi trú ngụ của hạnh phúc, cái nôi nuôi dưỡng và giáo dục trẻ thơ, nơi trở về sau mỗi lần vấp ngã đối với mỗi con người. Nhưng trong nhiều trường hợp, bạo lực đang trở thành một trong những nguy cơ biến gia đình thành “địa ngục trần gian”. Dù ở bất cứ nơi đâu, trong bất cứ hoàn cảnh nào, bạo lực gia đình không chỉ để lại hậu quả về thể chất, tinh thần mà còn về mặt kinh tế - xã hội. Mà đó là vấn đề nhức nhối khiến dư luận, xã hội đặc biệt quan tâm. Bạo lực gia đình làm xói mòn các giá trị, chuẩn mực, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phá vỡ sự bền vững của gia đình.

Theo Luật Phòng chống bạo lực gia đình, đây là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với các thành viên khác trong gia đình. Nạn nhân của bạo lực thân thể thường là phụ nữ, còn nam giới thường là nạn nhân của bạo lực tinh thần. Bạo lực gia đình xảy ra ở mọi quốc gia, nền văn hóa, tôn giáo, không có ngoại lệ về giàu- nghèo hay trình độ học vấn.

Hành vi bạo lực gia đình được chia làm 4 nhóm: bạo lực tinh thần, bạo lực thể chất, bạo lực kinh tế và bạo lực tình dục, và cụ thể như sau:

Nhóm 1, nhóm hành vi bạo lực về tinh thần: bao gồm các hành vi lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm hay cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng hoặc ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu, giữa cha, mẹ và con, giữa vợ và chồng, giữa anh, chị, em với nhau, hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở, cưỡng ép tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

Nhóm 2, hành vi bạo lực về thể chất hay thể xác: bao gồm hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng.

Nhóm 3, nhóm hành vi bạo lực về kinh tế: bao gồm chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình hay cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ hoặc là kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính.

Nhóm 4, nhóm hành vi bạo lực về tình dục: gồm có hành vi cưỡng ép quan hệ tình dục.

Ở Việt Nam, bạo lực gia đình đang có chiều hướng gia tăng đáng báo động và trái ngược với truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Bạo lực gia đình không còn đơn thuần chỉ là hành vi đánh đập ngược đãi về thể xác, về tinh thần, bạo hành trong tình dục, bạo lực kinh tế... mà còn là hành vi phạm tội nghiêm trọng. Bạo lực không chỉ phát sinh ở các gia đình học vấn thấp mà còn có ở các gia đình học vấn cao, không chỉ có ở những gia đình có điều

kiện kinh tế khó khăn mà còn nảy sinh ở những gia đình điều kiện kinh tế tốt và không chỉ ở những đôi vợ chồng mới kết hôn mà còn có cả những đôi vợ chồng sống cùng nhau hàng chục năm.

Các hành vi bạo lực gia đình có nhiều nguyên nhân, nhưng có 2 nguyên nhân chính: từ phía cá nhân và từ phía xã hội. Phần lớn các hành vi bạo lực thường diễn ra trong những gia đình có chồng (vợ) nghiện hút, cờ bạc, rượu chè, mại dâm,...

Theo điều tra của Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh hành vi bạo lực gia đình là do người chồng nghiện rượu, say rượu (60%), những gia đình này thường có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, học vấn thấp, thiếu hiểu biết về pháp luật, công việc không ổn định.

Bạo lực gia đình là do rượu và ma túy: Khi sử dụng các chất kích thích như rượu, ma túy... nam giới thường có nguy cơ giải quyết những khó khăn bằng hành vi bạo lực, chẳng hạn như nhiều người thường lấy cớ say rượu, thua bạc để đánh đập, hành hạ vợ con, bắt vợ phải đưa tiền để đi uống rượu và chơi cờ bạc. Tuy nhiên, không ai lý giải được tại sao những người có hành vi bạo lực đây chỉ thực hiện với vợ, con mà không phải với những người khác.

Bạo lực gia đình thường xảy ra trong những gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn: Những cặp vợ chồng phải bươn chải vất vả để kiếm sống thường có sự căng thẳng về thần kinh hơn và do đó dễ nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi trong gia đình và cuối cùng nam giới thường sử dụng quyền và sức mạnh của mình để gây ra bạo lực với vợ. Tuy nhiên, không thể đổ lỗi cho nghèo đói vì nhiều gia đình khá giả vẫn có bạo lực và nhiều gia đình kinh tế khó khăn nhưng vẫn giữ mối quan hệ tốt đẹp.

Do đó, yếu tố được coi là nguyên nhân sâu xa của bạo lực gia đình và là yếu tố cơ bản nhất gây ra nạn bạo lực gia đình là: nhận thức về vấn đề bình đẳng giới rất hạn chế, bất bình đẳng giới là gốc rễ của bạo lực gia đình:

- Ảnh hưởng của nền văn hóa phong kiến với những quan niệm mang đậm màu sắc định kiến giới, đó là những định kiến nằm ngay trong truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, chuẩn mực đạo đức bấy lâu nay trong xã hội: tư tưởng trọng nam, khinh nữ; chồng chúa, vợ tôi; tư tưởng gia trưởng; định kiến giới: phụ nữ là người giữ gìn hạnh phúc gia đình - “một điều nhịn là chín điều lành”... Những quan niệm này đã khiến cho người nam giới cho rằng họ có vai trò trụ cột trong gia đình, có quyền định đoạt mọi việc, họ luôn có tư tưởng mình là “tiếng nói” trong gia đình nên có thể mắng chửi vợ một vài câu là điều bình thường, thậm chí tát vợ một vài cái cũng không sao; hay do hiểu sai mục đích của biện pháp nghiêm khắc trong giáo dục con cái theo quan niệm “yêu cho roi, cho vọt” dẫn đến nhiều bậc cha mẹ tự cho mình quyền được đánh đập, hành hạ con cái mình.

- Nhận thức của chính bản thân của người phụ nữ bị bạo lực: Sự nhìn nhận, đấu tranh của người phụ nữ trước bạo hành gia đình còn hạn chế, thiếu thẳng thắn, còn cam chịu; họ mang tư tưởng: “xấu chàng hổ ai”, họ sợ: “vạch áo cho người xem lưng”, hay sợ hàng xóm, bạn bè chê cười...

- Cộng đồng, xã hội coi vấn đề bạo lực gia đình là chuyện thông thường, chuyện riêng của mỗi gia đình: “Đèn nhà ai nhà nấy rạng”, sự can thiệp, lên án của cộng đồng, làng xóm, chính quyền địa phương chỉ mang tính chất nhất thời, mờ nhạt. Do đó, bạo lực gia đình vẫn có điều kiện tồn tại và phát triển.

Như vậy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến bạo lực trong gia đình đối với phụ nữ song nguyên nhân sâu xa chính là do yếu tố nhận thức. Bạo lực gia đình chính là một biểu hiện của sự bất bình đẳng giới, là sản phẩm của chế độ gia trưởng. Các yếu tố khác như tệ nạn xã hội, kinh tế, mâu thuẫn gia đình, ngoại tình... được xem là nguyên nhân trực tiếp của bạo lực, làm gia tăng nguy cơ của bạo lực gia đình. Điều đáng tiếc là một bộ phận không nhỏ phụ nữ và nam giới không cảm nhận được sự bất bình đẳng này cũng như sự cần thiết phải thay đổi nó. Vì vậy, để giải quyết được triệt để vấn đề bạo lực gia đình, chúng ta cần chú ý giải quyết yếu tố nhận thức của nam giới, phụ nữ và của cả cộng đồng.

Xóa bỏ “khoảng cách giới” là một vấn đề cấp bách như nhu cầu về cơm ăn, áo mặc. Thực tế đã chứng minh rằng: “thực hiện sự bình đẳng về giới không chỉ đem lại lợi ích riêng cho nữ giới mà vì lợi ích chung của cả hai giới, vì sự phát triển tiến bộ chung của cả giới nam và giới nữ và vì sự tiến bộ của thế hệ mai sau”.

Tuy nhiên, hiện cũng nảy sinh khuynh hướng mới, đó là “mặt trái của nền kinh tế thị trường”, là “hệ quả tất yếu của xã hội hiện đại”. Bạo lực tinh thần, thường diễn ra trong những nhóm có kinh tế gia đình khá giả và giàu có, trình độ học vấn tương đối cao, nghề nghiệp ổn định...

Một số giải pháp để ngăn chặn hiện tượng bạo lực gia đình

Hạ nhiệt hành vi bạo lực

Hạ nhiệt có nghĩa là khi chồng nóng thì vợ bớt lời, làm cho chồng nguôi ngoai, sau đó tìm cơ hội thích hợp khuyên lơn để người chồng thấy rằng hành vi bạo hành vừa qua là một sai lầm cần thay đổi. Ngược lại nếu người vợ cũng nóng tính vì muốn

chứng minh mình chính là nạn nhân oan ức của sự sai lầm do chồng gây ra, đứng trên cương vị người vợ, chúng ta cũng hành động nói năng như người chồng thì chỉ “*đổ dầu vào lửa*”. Lúc đó, chúng ta có thể thực tập câu quán niệm sau:

Đó là nghệ thuật để hạ nhiệt cảm xúc bất an do lòng sân đang khổng chế. Chúng ta biết rõ con người không phải là tác nhân, học thuyết vô ngã không cho phép chúng ta nhận diện như thế, mà phải thấy rõ nhận thức của lòng tham sân si thể hiện qua các hành động là kẻ thù của nhân loại nói chung. Như vậy thay vì ghét bỏ, phản kháng, chống đối thì chúng ta phải cố gắng giúp người kia hạ nhiệt lòng sân, từ đó quay về đường chân chính. Đó mới là cách cứu giúp người mình thương ra khỏi con đường sai lầm. Do đó người vợ khôn ngoan trong tình huống này có thể kiểm soát được tình thế, biến lửa nóng bức trở thành nước thanh lương.

Giúp đỡ thay đổi tâm tính

Sau khi đã hạ nhiệt được cơn nóng giận của người chồng thì người vợ phải biết tư vấn, bao gồm lắng nghe lý do tại sao chồng mình lại hành động như vậy, sau đó tâm sự giải bày. Qua tâm sự, người chồng có thể nhận ra vợ chính là người lo lắng, thương mình nhiều nhất. Tuy nhiên, thực tế nhiều người vợ lại không hiểu và cư xử như tâm hạnh bồ tát để tháo gỡ tình huống đổ nát trở thành lành lặn.

Nhu cầu trợ giúp

Nếu hai nỗ lực nhường nhịn và tư vấn hỗ trợ không thành công thì không còn cách nào khác, nạn nhân cần sáng suốt để có thái độ cầu viện trợ. Rất nhiều người hiểu sai rằng bạo hành gia đình chỉ là vấn đề nội bộ, do đó nên đóng cửa nhà mà dạy nhau. Đóng cửa nhà thì làm sao dạy?! Cần phải có tác động của xã hội thì bạo hành mới có

thể chấm dứt. Một số chị em nữ còn hiểu sai rằng việc cầu viện hàng xóm và người thân can thiệp chứng tỏ mình bất lực trong việc duy trì hạnh phúc và tình cảm của chồng, đó là nỗi xấu hổ lớn nhất của chị em. Từ quan niệm sai lầm ấy mà họ ngậm bồ hòn làm ngọt, cắn răng chịu đựng. Càng chịu đựng, người chồng càng có cơ hội lấn tới. Vì thế trước nhất, những nạn nhân nên nhờ gia đình phía tác nhân gây nạn bạo hành như cha, mẹ, anh, chị, em; sau đó nhờ hàng xóm, hội phụ nữ, hoặc thậm chí là công an.

Tuy nhiên, nỗ lực của chính tác nhân gây bạo hành gia đình mới được xem là yếu tố quan trọng nhất. Chúng ta cần phát triển những trung tâm dành cho người có thói quen bạo lực có cơ hội quay đầu.

Đối với người thực hiện bạo lực bằng hành động thì phải bị phạt làm các công tác từ thiện chăm sóc người già, bệnh, xấu xí. Trong lúc chăm sóc từ vệ sinh cá nhân đến diu dắt người già, người có hành vi bạo lực sẽ khởi ý niệm so sánh rằng vợ mình đẹp hơn nhiều, đáng nâng niu hơn nhiều, để rồi từ đó tự thay đổi cá tính của bản thân. Luật pháp cần nghiêm minh buộc các tác nhân bạo hành đi cải tạo theo cách đó trong ba đến sáu tháng để sau khi quay về, họ thay đổi cách nhìn nhận vợ của mình.

Đối với những người có bạo hành ngôn ngữ, tức là chửi mắng, nhục mạ, cần cải tạo họ bằng cách buộc làm bồi bản. Khi làm bồi bản, những lời nói bậy trước đây sẽ không còn được dùng đến mà thay vào đó là những lời chào hỏi, mời mọc một cách lịch sự với khách hàng. Về nhà được vợ lo lắng ở mọi phương diện thì không lý gì chúng ta phải đối xử với vợ như đã từng.

Đối với những người chồng bạo hành về tình dục, tức là cưỡng ép quan

hệ trong khi vợ đang mệt hoặc không muốn. Biện pháp hữu hiệu nhất là đưa vào chùa tu một thời gian. Trong chùa họ được học hỏi, bắt chước các thầy tu kìm hãm dục vọng và thấy rõ mình có được những hạnh phúc cao thượng hơn. Tu một thời gian, về nhà sẽ không đòi hỏi quá nhiều mà ngược lại còn học nghệ thuật sống dưỡng tính khí thần để được thọ và có sức khỏe phục vụ xã hội.

Đối với nạn bạo hành mang tính phong tỏa về kinh tế thì người đó nên buộc đi làm công quả một thời gian, tức là làm việc mà không được nhận lương, để nói rộng tâm mình phụng sự người khác. Dĩ nhiên điều này rất khó làm, nhưng ai quyết tâm thì sẽ thành công trong việc chuyển hóa tâm keo kiệt của mình. Nhiều đáng mày râu có thái độ phong tỏa kinh tế, sợ vợ có tiền đi giao lưu với người khác, vì vậy họ rất chi li tính toán khi đưa tiền cho vợ chi tiêu việc gì đó. *Kinh Thiện Sinh* nói, chăm sóc vợ, làm vợ vui và hạnh phúc đồng nghĩa việc mang hạnh phúc đến cho bản thân. Chúng ta phải thực tập tính cách rộng lượng, nếu vợ là người trắng hoa thì có giữ thế nào cũng mất. Tính bao dung rộng lượng đem đến bình an cho bản thân mà vợ mình cũng được an vui hạnh phúc, gia đình được vững bền.

Sau những nỗ lực cá nhân thì nỗ lực xã hội cũng cần lưu tâm. Chúng ta cần phát triển những trung tâm lánh nạn để nạn nhân của bạo hành gia đình cảm thấy bình an khi tạm trú. Dĩ nhiên công việc phục hồi bệnh trầm cảm của nạn nhân trong thời gian ở trung tâm rất quan trọng, nhưng sau khi phục hồi thì công tác hòa giải lại hiếm khi được đề ý. Sau đó nếu cần thiết mới tính đến chuyện ly hôn. “*Giang sơn dễ đổi, bản tánh khó dời*”, phần lớn trách nhiệm của các trung tâm giúp đỡ nạn nhân chỉ chú trọng đến công tác phục hồi sức khỏe

tâm sinh lý chứ không màng nhiều về việc tư vấn phục hồi hạnh phúc gia đình và hàn gắn tình cảm vì nghĩ rằng hàn gắn và nối kết chưa chắc đảm bảo hạnh phúc. Các nỗ lực hòa giải của các hội cứu trợ và cơ quan thẩm quyền phải biết phối hợp chặt chẽ bao gồm những lời khuyên, phân tích đúng sai kể cả các hình phạt thì nhiều người nam mới có thể hồi đầu. Trên thực tế, phần lớn người nam thường cho rằng mình đúng, mình có quyền mắng và đánh đập vợ vì mình là người lãnh đạo trong gia đình.

Trường phạt bạo hành gia đình

Thứ nhất, luật hôn nhân gia đình của Việt Nam năm 2000, điều 107 quy định tóm lược như sau: “*Người vi phạm các điều kiện kết hôn: Hành hạ, ngược đãi; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chồng, vợ hoặc con và các thành viên khác trong gia đình thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hay bị truy cứu trách nhiệm hình sự trước pháp luật. Nếu gây thiệt hại nặng thì phải bồi thường*”. Rõ ràng điều lệ 107 này có một sơ hở là không đề cập chi tiết mức án như thế nào, dẫn đến sự tùy nghi trong công việc giải quyết các tình huống vi phạm. Điều này làm cho nhiều người không coi trọng và để ý đến luật. Có trường hợp người chồng hành hạ đánh đập vợ mà chỉ bị cảnh cáo, phạt qua loa với mức phạt năm bảy chục nghìn. Do vậy chúng tôi nghĩ điều luật này cần phải được mở rộng chi tiết hơn với các hình phạt thích đáng đến từng hành vi vi phạm bạo hành gia đình.

Thứ hai là luật hình sự xuất bản năm 1999, điều 151 quy định như sau: “*Người ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha mẹ, vợ chồng, con cháu, hoặc người có công nuôi dưỡng mình gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba*

năm". Ở đây chúng ta thấy khung hình phạt có phần chi tiết hơn và điều này dĩ nhiên có tác dụng trong việc răn đe và làm giảm thiểu nạn bạo hành gia đình.

Đó là những hỗ trợ từ luật pháp mà chúng ta thấy có những giá trị rất nhất định. Theo chúng tôi, muốn nạn bạo hành gia đình giảm thiểu một cách tối đa thì quan trọng nhất là các tác nhân bạo hành phải nhận thức rõ đó là những hành vi vi phạm luật pháp, vi phạm nhân quyền, chà đạp nhân phẩm để từ đó có quyết tâm thay đổi đích đáng. Bản thân họ phải nhập cuộc trong nỗ lực tháo gỡ nạn bạo lực gia đình nói chung, còn nếu chỉ có chị em phụ nữ xoay sở thì không giải quyết triệt để vấn đề. Thái độ nhường nhịn không phải là giải pháp, nó chỉ có tác dụng làm giảm hậu quả mà thôi. Vì vậy tu tập chuyển hóa tâm và xóa bỏ lòng tham, lòng sân, lòng si thì nạn bạo lực sẽ bị phá bỏ, mặc dù từ tám đến chín phần của nạn bạo lực gia đình đều do lòng sân và lòng si, chỉ có một hai phần là do ngoại tình ghen tuông, tức là lòng tham dẫn đến đổ nát hạnh phúc. Do đó chuyển hóa tham, sân, si theo khuynh hướng của Phật giáo là một trong những phương thức rất hữu hiệu trong khi các trung tâm và cơ quan chưa quan tâm đúng mức.

Trong xã hội hiện nay vẫn còn tồn tại khá phổ biến tình trạng bất bình đẳng giới, đặc biệt là ở vùng nông thôn,

vùng sâu, vùng xa, phụ nữ vẫn còn chịu nhiều thiệt thòi. Tư tưởng trọng nam, khinh nữ vẫn còn phổ biến ở nhiều địa phương.

Đây chính là "mảnh đất màu mỡ" để bạo lực gia đình tồn tại. Có rất nhiều công việc trong gia đình mà đáng lý cả 2 vợ chồng phải cùng gánh vác, nhưng do tính gia trưởng, định kiến giới mà người đàn ông, người chồng như đứng ngoài cuộc, họ tự cho đó là công việc của vợ. Nếu người vợ không hoàn thành được thì họ tự cho mình "có quyền" trách móc, sỉ nhục, thậm chí là đánh đập.

Bạo lực gia đình dù ở bất kỳ hình thức nào cũng để lại những tác động tiêu cực đến sức khỏe về thể chất, tinh thần không chỉ của nạn nhân mà còn thành viên khác trong gia đình; tác động tiêu cực đến lực lượng lao động, hoạt động kinh tế. Bạo lực gia đình đặt ra yêu cầu trợ giúp vào bảo vệ nạn nhân.

Để góp phần ngăn chặn bạo lực gia đình, cần phải tuyên truyền sâu rộng về luật pháp, xây dựng mô hình phòng chống bạo lực gia đình ở địa phương, làm cho mỗi gia đình hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Cần xem đây là trách nhiệm của toàn xã hội chứ không của riêng ai./.

TH // <http://hoibaotrotuphap.com>

GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Tình hình bạo lực gia đình trong xã hội trong thời gian qua vẫn diễn biến phức tạp. Do vậy, để công tác phòng, chống bạo lực gia đình đạt hiệu quả trước tiên cần phải định hướng về nhận thức, phải quy định một

cách rõ ràng và cụ thể những hành vi mà pháp luật quy định là bạo lực gia đình và cần phải phòng chống.

Hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật Phòng, chống bạo lực gia

đình năm 2007 đưa ra định nghĩa “Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình” và liệt kê các hành vi được coi là bạo lực gia đình tại Khoản 1 Điều 2, chia thành 3 nhóm hành vi bạo lực: Bạo lực về thể chất, bạo lực về tinh thần, bạo lực về kinh tế.



Phòng, chống bạo lực gia đình lấy phòng ngừa là chính (Ảnh minh họa, nguồn Internet)

Trong xã hội, quan niệm về bạo lực gia đình của người dân còn khá mơ hồ, và dường như chỉ có hành vi bạo lực về mặt thể chất là được chú ý tới. Khi trong tiềm thức của mỗi người dân còn cho rằng một cái tát, một câu chửi mắng nhau lúc nóng giận là bình thường, con hư thì bố mẹ phải đánh để giáo dục, hay việc đáp ứng nhu cầu tình dục của chồng là nghĩa vụ của người vợ.... đương nhiên sẽ không bị coi là bạo lực gia đình, là vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần phải quy định rõ ràng hơn những hành vi bị coi là “bạo lực gia đình” và có sự tổng hợp các quy định tại những văn bản pháp luật khác nhau về các hành vi để đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả của các quy phạm pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình gồm: “Kết hợp và thực hiện đồng

bộ các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình, lấy phòng ngừa là chính, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình, tư vấn, hòa giải phù hợp với truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam”.

Đây là nguyên tắc chủ đạo trong phòng, chống bạo lực gia đình bởi nhiều lý do. Xuất phát từ thực tế quan hệ trong gia đình mang tính khép kín, với các thành viên gia đình cũng như những người xung quanh, việc trong gia đình thì người ngoài ít có cơ hội xen vào. Vì thế những vụ bạo lực gia đình thường khó phát hiện, khi bị phát hiện cũng khó xử lý bởi tâm lý e ngại của nạn nhân và cả những người biết chuyện, và thậm chí nếu xử lý rồi thì khả năng tái diễn cũng rất cao vì để tìm ra biện pháp ngăn chặn phù hợp là không dễ. Các quy định pháp luật khó vươn tới từng gia đình, bởi nhận thức của người dân về vấn đề này còn hạn chế, sự can thiệp thô bạo của pháp luật có thể dẫn tới phá hoại các mối quan hệ các thành viên gia đình. Chính vì vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình, tư vấn, hòa giải trong vấn đề này là rất quan trọng, góp phần định hướng hành vi của mỗi người: nạn nhân được trang bị kiến thức để tự bảo vệ; người có thể có hành vi bạo lực có thể nhận thức được tính chất, hậu quả của hành vi để tự kiềm chế tốt hơn; những người xung quanh biết được trách nhiệm tham gia phòng chống bạo lực gia đình và có ứng xử phù hợp.

Cần tăng cường hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới, tuyên truyền chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước về an sinh xã hội qua tivi, đài, báo, tạp chí, các tờ rơi, tờ gấp, loa truyền thanh, tuyên truyền của cán bộ Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể, các cộng tác viên dân số, qua các buổi hội họp cần tới được

tất cả các nhóm công dân, nhất là các gia đình nghèo.

Truyền thông cũng cần chỉ ra nguyên nhân cơ bản của bạo lực gia đình là sự bất bình đẳng giới, là tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, phân biệt địa vị, vai trò của phụ nữ và nam giới trong gia đình, vận động nam giới nói riêng và toàn xã hội nói chung hiểu biết về quyền của phụ nữ, đồng thời phải nâng cao kiến thức, nhận thức cho chị em để họ hiểu được quyền của mình để có ý thức tự bảo vệ, nâng cao địa vị, vai trò của mình trong gia đình và ngoài xã hội.

Việc tuyên truyền giáo dục nếu kết hợp với truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc thì sẽ càng được phát huy tốt hơn nữa, bởi vì người Việt Nam nói chung chịu tác động khá lớn từ những tư tưởng này. Đặc biệt, ở những quan niệm “phép vua thua lệ làng”, trình độ dân trí thấp thì việc giáo dục người dân thông qua phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình; vai trò của họ hàng, dòng họ sẽ giúp làm tốt công tác hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình. Cần đẩy mạnh thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn minh; cần quan tâm xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá trong đó đưa tiêu chí không có bạo lực gia đình, không lạm dụng rượu bia, không có tệ nạn cờ bạc, ma tuý để công nhận gia đình văn hóa.

Phải xử lý nghiêm người có hành vi bạo lực gia đình theo đúng quy định của Nghị định số 110/2009/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình.

Để phòng chống bạo lực gia đình với trẻ em, Hội LHPN Việt Nam đề ra 6 giải pháp. Trong đó, nâng cao nhận thức của xã hội, tăng cường trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng

đồng về hậu quả của bạo lực đối với trẻ em. Chú trọng hỗ trợ cung cấp kiến thức nuôi dạy con cho cha mẹ, người chăm sóc và gia đình. Đồng thời đẩy mạnh truyền thông cung cấp kiến thức về ảnh hưởng của bạo lực đối với trẻ em, xác định trách nhiệm của gia đình, xã hội, cộng đồng trong chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Tăng cường sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong việc quản lý, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Thực hiện tốt công tác tư vấn, tham vấn học đường và phát huy vai trò của công tác Đoàn, Đội, Hội...

Xây dựng các thiết chế gia đình bền vững được xem là giải pháp nội lực để phòng tránh bạo lực gia đình. Yêu cầu này đòi hỏi vai trò của các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cùng bàn bạc; tùy theo đặc điểm, truyền thống văn hóa của từng địa phương phải xây dựng được các quy chế, quy ước nhằm hạn chế những khác biệt, mâu thuẫn có thể bùng nổ thành xung đột, cùng với các gia đình có ý thức xây đắp các chuẩn mực: no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững.

Đối với mỗi hộ gia đình thì vợ chồng phải biết cách ứng xử tế nhị, tôn trọng giúp đỡ nhau như kinh nghiệm ông cha ta đã đúc kết chồng giận thì vợ bớt lời hay lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau, tạo không khí hoà thuận, cùng có trách nhiệm chăm sóc nuôi dạy con cái. Ngăn chặn các tệ nạn xã hội là giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình có hiệu quả nhất. Vì vậy đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội không chỉ tạo nên sự ổn định xã hội mà còn góp phần vào việc phòng, chống bạo lực gia đình một cách có hiệu quả.

Trung Kiên //
<http://hoinongdan.org.vn>

NAM GIỚI HÃY NỔI KHÔNG VỚI BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Tệ nạn xã hội, kinh tế, mâu thuẫn gia đình được xem là nguyên nhân trực tiếp của bạo lực, làm gia tăng nguy cơ bạo lực gia đình. Thế nhưng, yếu tố cơ bản nhất gây ra nạn bạo lực đối với phụ nữ là bất bình đẳng giới, tư tưởng trọng nam khinh nữ vẫn còn tồn tại trong suy nghĩ của nhiều người, nhất là nam giới. Chính vì vậy, kêu gọi nam giới lên tiếng bảo vệ phụ nữ là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự thay đổi, hướng tới xây dựng xã hội không bạo lực với phụ nữ.



Tranh minh họa

Hành vi bạo lực gia đình không chỉ gây tổn hại về thể chất mà còn tác động tiêu cực đến tinh thần, kinh tế và thậm chí là tình dục. Theo nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình (2010) do Liên Hiệp Quốc và Tổng cục Thống kê thực hiện cho thấy 58% phụ nữ từng kết hôn đã từng bị một trong ba loại bạo lực do chính người chồng gây ra. Trong đó, bạo lực tinh thần chiếm 54%, bạo lực thể xác 32%, bạo lực tình dục 10% và bạo lực cả thể xác lẫn tình dục 34%. Có rất nhiều nguyên nhân, nổi lên là các nguyên nhân thuộc về nhận thức của bản thân người gây ra bạo lực và người bị bạo lực cũng như các nguyên nhân thuộc về nhận thức của cộng

đồng. Ngoài ra, có những nguyên nhân khách quan khác như xuất phát từ các tệ nạn xã hội hay điều kiện kinh tế. Nhưng nhìn chung nguyên nhân sâu xa của tình trạng bạo lực đối với phụ nữ là do sự bất bình đẳng về giới và nhận thức sai lệch, chưa đúng đắn về bình đẳng giới. Đó chính là ảnh hưởng của nền văn hóa phong kiến với những định kiến về giới đã tồn tại trong xã hội bấy lâu nay như tư tưởng trọng nam, khinh nữ, tư tưởng gia trưởng... Những quan niệm này đã khiến nam giới cho rằng mình là trụ cột gia đình, luôn có quyền định đoạt mọi việc nên đôi khi xem việc mắng chửi vợ là điều bình thường, thậm chí đánh vợ vài cái cũng không sao.

Bên cạnh đó, với tư tưởng “xấu chàng hổ ai”, “vạch áo cho người xem lưng”, sợ hàng xóm, bạn bè chê cười nên chính người phụ nữ bị bạo hành đã cam chịu, không dám lên tiếng đấu tranh trước nạn bạo hành gia đình. Ngoài ra, một số nơi, đơn vị, vẫn coi bạo lực gia đình là chuyện riêng của mỗi gia đình, chưa có biện pháp tích cực để xử lý hành vi này. Chính vì vậy, trong những năm gần đây, tại Việt Nam nói chung và Bình Thuận nói riêng, bình đẳng giới là vấn đề luôn được Nhà nước, các cấp chính quyền quan tâm và triển khai nhiều chính sách quan trọng mang lại quyền lợi bình đẳng giữa mọi người, đồng thời tuyên truyền, giáo dục để thay đổi quan niệm, tư duy của nam giới và chính nữ giới. Tuy nhiên trên thực tế, tình trạng bạo lực gia đình vẫn diễn ra, trong đó có nhiều trường hợp bạo lực gây hậu quả nghiêm trọng do chính người chồng, người cha gây ra.

Để giải quyết vấn đề này cần sự chung tay của các cơ quan nhà nước,

tổ chức chính trị - xã hội và mọi người dân. Đặc biệt quan trọng là nhận thức đúng đắn hơn về vai trò của nam giới trong vấn đề này, vì nam giới là nguyên nhân chủ yếu của bạo lực gia đình, chính họ sẽ là một phần quan trọng của giải pháp. Do vậy, cần có thêm nhiều chương trình tuyên truyền thu hút sự tham gia của nam giới và trẻ em trai vào công tác phòng, chống bạo lực gia đình. Chung tay kêu gọi nam giới lên

tiếng bảo vệ phụ nữ thông qua việc thuyết phục, vận động những nam giới khác nói không với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. Nếu nhận thức về vai trò và trách nhiệm của nam giới trong xây dựng hạnh phúc gia đình thay đổi và có sự chung tay của xã hội, thực trạng đáng buồn này sẽ được cải thiện.

Ngọc Hân //

<http://www.baobinhthuan.com.vn>

VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH TRONG NHẬN THỨC VÀ THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI

Bình đẳng giới là sự thừa nhận và coi trọng như nhau về các đặc điểm giống và khác nhau giữa nam giới và nữ giới. Bình đẳng giới là nam giới và nữ giới cùng có vị thế bình đẳng và được tôn trọng như nhau; cùng được tạo điều kiện và cơ hội để phát huy khả năng và thực hiện các mong muốn của mình; cùng có cơ hội để tham gia, đóng góp và thụ hưởng từ các nguồn lực của xã hội và quá trình phát triển. Bình đẳng giới là bình đẳng về pháp luật, về cơ hội và các thành quả tạo ra, bao gồm sự bình đẳng trong việc tiếp cận nguồn lực, bình đẳng cho thù lao trong công việc, bình đẳng trong việc hưởng thụ các thành quả, bình đẳng trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến bản thân, gia đình và xã hội (bình đẳng trong tiếng nói). Thế giới đã trải qua hơn 100 năm của chặng đường bình đẳng giới. Nhìn lại những thành tựu và những tồn tại hiện nay của chặng đường đó, cả nhân loại phải thừa nhận thành quả của bình đẳng giới đã góp phần rất quan trọng vào sự tiến bộ chung của thế giới. Bình đẳng giới là cần thiết và có thể thực hiện được. Ở Việt Nam, vấn đề bình đẳng giới đã được Đảng và Nhà nước ta

quan tâm và được đánh giá là một động lực và mục tiêu phát triển quốc gia. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bình đẳng giới đã được cụ thể hóa trong Luật Bình đẳng giới do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2007. Bên cạnh đó, ngày 24 tháng 12 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2351/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020. Chiến lược có mục tiêu tổng quát là: “Đến năm 2020, về cơ bản, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước”. Mặc dù vậy, việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam còn đứng trước không ít khó khăn, thách thức. Để thực hiện được mục tiêu này, rất cần đến sự phối hợp của nhiều yếu tố khác nhau. Trong đó, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và thực hiện bình đẳng giới là yếu tố quan trọng. Công tác tuyên truyền, giáo dục

nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và thực hiện bình đẳng giới thuộc về tất cả các thể chế trong xã hội, trong đó gia đình đóng vai trò quan trọng. Gia đình là nơi định hình các quan hệ giới, truyền tải những chuẩn mực về giới và quyết định những cơ hội cho các thành viên gia đình. Gia đình là nơi đưa ra các quyết định cơ bản như: Số con, việc nuôi dạy con, phân bổ thời gian và nguồn lực sản xuất, tiêu dùng và đầu tư cho tương lai... Thực tế cho thấy, gia đình có thể làm trầm trọng hơn định kiến giới hoặc có thể làm dịu đi sự phân biệt giới. Có thể nói, gia đình đóng vai trò quan trọng trong nhận thức và thực hiện bình đẳng giới

1. Vai trò của gia đình trong nhận thức về bình đẳng giới

Gia đình là môi trường tuyên truyền, giáo dục tốt nhất về bình đẳng giới. Gia đình đóng vai trò cơ bản trong việc định hình mối quan hệ giới ngay từ những buổi đầu của cuộc sống con người và truyền tải chúng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Gia đình là nơi xã hội hóa vấn đề giới, truyền lại các kiến thức và kỹ năng về giới. Do vậy, nhận thức về bình đẳng giới của các thế hệ đi trước trong gia đình như ông bà, cha mẹ... tác động rất lớn đến nhận thức của các thế hệ kế tiếp. Trong gia đình, con người học những bài học đầu tiên về tôn ti trật tự, về sự tuân thủ, sự phân biệt đối xử. Con trai học cách quyết đoán và thống trị, con gái học sự phục tùng. Gia đình chính là nơi tạo ra tôn ti trật tự. Sự nhận thức không đúng đắn về giới và bình đẳng giới sẽ tạo ra những tôn ti trật tự trong đó làm giảm vị thế của nữ giới, dẫn đến bất bình đẳng giới ngay trong gia đình. Trong gia đình truyền thống, ông bà, cha mẹ truyền dạy cho cháu con những nguyên mẫu về các quan niệm và hành vi mong đợi được cho là thích hợp đối với mỗi giới và các kỳ vọng của xã hội đối với nam

giới và nữ giới. Chẳng hạn, quan niệm chung về đặc điểm tính cách của nữ giới là dịu dàng, nam giới là mạnh mẽ, quyết đoán. Do vậy, phụ nữ được quan niệm là gắn liền với vai trò của người mẹ, người vợ, người nội trợ, là người phụ thuộc không quan tâm đến việc họ có thu nhập cao hay thấp; nam giới trở thành trụ cột về kinh tế, là tấm gương đạo đức, là chỗ dựa về tinh thần của phụ nữ và trẻ em, là người chủ gia đình, đại diện cho gia đình trong các quan hệ xã hội và cộng đồng. Những đặc tính trên của nữ giới hay nam giới thực chất là do xã hội gán cho hoặc mong đợi các cá nhân nam và nữ thực hiện. Quan niệm trên chính là những định kiến giới đã tồn tại từ thế hệ này đến thế hệ khác. Những định kiến giới đó đã dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới tồn tại phổ biến trong xã hội. Khi những định kiến giới tồn tại ở những người trực tiếp thường xuyên nuôi dạy trẻ như cha mẹ, ông bà... thì những quan niệm đó sẽ được thể hiện cụ thể thông qua các hành vi chăm sóc, giáo dục trẻ như: Trẻ em trai hay gái nên làm hoặc không nên làm gì, định hướng hoặc cho phép trẻ em trai và trẻ em gái được chơi các trò chơi theo giới, phân công lao động theo giới trong gia đình, đầu tư cho trẻ em trai và trẻ em gái khác nhau... Từ đó cho thấy, trẻ em có được đặc tính về giới mà đặc tính này sẽ xác định một loạt các hoạt động được xã hội chấp nhận cho nam và nữ cũng như mối quan hệ giữa chúng là từ gia đình. Do vậy, nhận thức của các thế hệ đi trước trong gia đình về giới và bình đẳng giới không đúng đắn sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức và hành vi của các thế hệ sau. Điều này sẽ làm chậm mục tiêu bình đẳng giới. Ngược lại, khi các thế hệ đi trước nhận thức đúng đắn về bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới thì họ sẽ truyền dạy cho các thế hệ kế tiếp những nhận thức đúng đắn đó. Đồng

thời, nhận thức đúng đắn về bình đẳng giới của các thế hệ đi trước sẽ quyết định hành vi của họ trong việc chăm sóc, giáo dục, đầu tư... cho thế hệ tương lai. Sự quan tâm, chăm sóc, tình yêu thương của cha mẹ, ông bà dành cho trẻ em trai và trẻ em gái là như nhau. Con trai, con gái đều được tôn trọng như nhau. Sự đầu tư của cha mẹ, ông bà trong việc phát triển đối với trẻ con trai, con gái phải trên cơ sở năng lực, sở thích và cơ hội của mỗi người con mà không dựa trên giới tính. Sự phân công lao động trong gia đình phải trên cơ sở khả năng của mỗi người con mà không phụ thuộc vào giới tính... Hành động cụ thể trên sẽ tác động tích cực đến nhận thức, hành vi, cơ hội của thế hệ kế tiếp. Điều đó góp phần rút ngắn khoảng cách giới, tiến tới bình đẳng giới.

Vai trò tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới của gia đình không chỉ thể hiện trong việc truyền dạy của ông bà, cha mẹ và các thành viên khác của gia đình mà còn thể hiện trong việc làm gương của cha mẹ, ông bà và các thành viên khác trong gia đình. Cách đối xử của cha mẹ, ông bà với nhau phải thể hiện sự bình đẳng giữa nam giới và nữ giới, bởi hành vi của cha mẹ, ông bà sẽ là nguyên mẫu cho con cháu. Khi trong gia đình cha mẹ, ông bà tôn trọng nhau, chia sẻ công việc gia đình, cùng nhau bàn bạc và giải quyết các vấn đề... sẽ là tấm gương sáng cho con cháu học tập. Ngược lại, các hành vi thể hiện sự phân biệt đối xử hoặc bạo lực gia đình trên cơ sở giới, hình phạt cho các hành vi không đúng đắn, các mẫu người đàn ông và phụ nữ trong gia đình... sẽ tác động tiêu cực đến hành vi và nhận thức về bình đẳng giới đối với thế hệ trẻ.

Như vậy, để có được bình đẳng giới, trước hết trong gia đình cha mẹ, ông bà cần phải nâng cao nhận thức về

bình đẳng giới vì chính họ là tác nhân quan trọng nhất trong việc tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới cho thế hệ trẻ. Khi các thành viên gia đình nhận thức đúng đắn về bình đẳng giới thì trẻ em trai và trẻ em gái ngay từ khi chào đời đã được cha mẹ, những người lớn tuổi đối xử bình đẳng. Khi lớn lên, được chứng kiến quyền bình đẳng giữa cha mẹ, ông bà; được hưởng quyền và thực hiện trách nhiệm bình đẳng với nhau. Gia đình mà trong đó nam giới và nữ giới được bình đẳng với nhau sẽ tiếp tục là môi trường tuyên truyền, giáo dục hiệu quả nhất về bình đẳng giới.

2. Vai trò của gia đình trong thực hiện bình đẳng giới

2.1. Gia đình là thể chế xã hội đầu tiên có thể xóa bỏ phân công lao động theo giới

Phân công lao động theo giới là việc phân công các công việc, các trách nhiệm khác nhau giữa nam và nữ. Sự phân công này là do xã hội gán cho mỗi giới và được truyền tải từ thế hệ này sang thế hệ khác nên được mọi thành viên của từng cộng đồng nắm vững.

Với tư cách là một thiết chế của xã hội, gia đình là một xã hội thu nhỏ, gia đình phản ánh đầy đủ các vấn đề của xã hội, trong đó nổi bật nhất là vấn đề bất bình đẳng giới. Gia đình – pháo đài kiên cố nhất của sự bất bình đẳng nam nữ. Mọi sự bất bình đẳng giữa nam và nữ đều bắt nguồn từ gia đình. Sự bất bình đẳng giới được bắt nguồn từ gia đình, được bao bọc bởi các quan hệ gia đình, tôn ti trật tự, nề nếp gia phong... nên bất bình đẳng giới diễn ra êm ái, dễ dàng và ít gặp sự phản kháng mãnh liệt từ phụ nữ. Địa vị của phụ nữ tác động tới sự phát triển nhận thức, sức khỏe, dinh dưỡng và giáo dục của con cái họ. Nếu địa vị của người phụ nữ thấp kém thì không chỉ ảnh hưởng

xấu đến nhận thức, sức khỏe, dinh dưỡng và giáo dục của con cái họ mà còn ảnh hưởng xấu đến viễn cảnh tăng trưởng kinh tế của đất nước. Thiên chức của phụ nữ là mang thai, sinh con và nuôi con bằng sữa mẹ. Tuy nhiên, do nhận thức về vai trò giới và giới tính còn hạn chế nên nhiều người cho rằng công việc nội trợ cũng là thiên chức của phụ nữ. Vì vậy, phụ nữ luôn phải gánh vác công việc trong gia đình như: Chăm sóc con nhỏ, người già, người đau ốm; giặt giũ, đi chợ, nấu ăn; dọn dẹp nhà cửa... Chính những công việc này đã chiếm rất nhiều thời gian, sức lực của phụ nữ. Do đó, cơ hội tham gia vào thị trường lao động của phụ nữ rất thấp. Điều này dẫn đến thực tế là phụ nữ không trực tiếp lao động tạo thu nhập cho gia đình. Hệ quả là địa vị thấp kém và không có tiếng nói ngay trong gia đình của mình. Những phụ nữ được tham gia vào thị trường lao động thì tình hình cũng ít được thay đổi. Họ luôn phải đối mặt với áp lực công việc ngoài xã hội và công việc gia đình. Việc kết hợp hài hòa giữa chăm sóc gia đình, nuôi dạy con với nâng cao địa vị xã hội – nghề nghiệp là khó khăn lớn mà phụ nữ ngày nay phải đối mặt.

Gia đình là thể chế xã hội đầu tiên có thể làm thay đổi tập quán phân công lao động theo giới. Khi trong gia đình nam giới sẵn sàng chia sẻ việc nhà, thì phụ nữ có cơ hội tham gia vào thị trường lao động, phát huy khả năng và sở thích của mình, trực tiếp tạo thu nhập. Từ đó, phụ nữ có khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực, có tiếng nói trong gia đình. Điều đó, mang lại cho phụ nữ sự tự tin và địa vị của họ trong gia đình được nâng cao.

Như vậy, xóa bỏ tập quán phân công lao động theo giới là tiền đề quan trọng để giải phóng phụ nữ, phát huy khả năng của phụ nữ cho sự phát triển kinh tế gia đình, nâng cao địa vị của

phụ nữ. Gia đình có vai trò quyết định trong việc xóa bỏ tập quán phân công lao động theo giới, góp phần xóa bỏ phân công lao động theo giới, tạo điều kiện thực hiện bình đẳng giới một cách hiệu quả.

2.2. Gia đình có thể quyết định đầu tư các nguồn lực trên cơ sở bình đẳng giữa nam và nữ

Con người đưa ra hầu hết những quyết định cơ bản của cuộc sống trong phạm vi gia đình, trong đó có việc đầu tư cho tương lai. Nguồn lực được phân bổ như thế nào giữa con trai và con gái, giữa vợ và chồng, mỗi người tùy thuộc vào giới tính của mình được trao quyền đến đâu, kỳ vọng của cha mẹ đối với con trai, con gái, của vợ, chồng đối với nhau có khác nhau hay không... Tất cả những điều này sẽ tạo ra và khoét sâu hay sẽ giảm bớt sự phân biệt giới. Định kiến giới đã dẫn đến người vợ và trẻ em gái ít có cơ hội được đầu tư cho sự phát triển con người hơn. Đa số các gia đình cho rằng, đầu tư cho người vợ và trẻ em gái thu được ít lợi suất cho gia đình hơn là đầu tư cho người chồng và trẻ em trai. Do vậy, tình trạng thất học, không được chăm sóc sức khỏe ở trẻ em gái cao hơn so với trẻ em trai. Trong quan hệ vợ chồng cũng tương tự, người vợ ít được đầu tư cho giáo dục và chăm sóc sức khỏe hơn so với người chồng. Gia đình là nơi đầu tiên xóa bỏ định kiến giới, làm thay đổi các quyết định đầu tư bất bình đẳng giữa nam và nữ. Việc đầu tư các nguồn lực của gia đình bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa con trai và con gái sẽ tạo cơ hội cho nam giới và nữ giới cùng được học tập nâng cao trình độ (văn hóa, nghề nghiệp), tiếp cận thông tin và khoa học kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe. Từ đó, tạo điều kiện cho nữ giới có đủ khả năng về tri thức, sức khỏe tham gia thị trường lao động, kể cả thị trường lao động đòi hỏi trình độ cao.

Đồng thời, kết quả nghiên cứu xã hội học cho thấy, người vợ có học vấn cao và hiểu biết xã hội rộng sẽ tác động tốt đến việc nuôi dạy con. Học vấn của người mẹ sẽ làm cải thiện chế độ dinh dưỡng của con cái, thông qua chất lượng chăm sóc mà người mẹ dành cho con. Nghiên cứu các nước đang phát triển cho thấy, mối quan hệ ngược chiều mạnh giữa số năm đi học bình quân của người mẹ với tỷ lệ tử vong của trẻ. Điều tra về nhân khẩu và sức khỏe mới nhất tại hơn 40 nước đang phát triển cho thấy tử vong của trẻ dưới 5 tuổi thấp hơn tại các gia đình mà người mẹ có đi học tiểu học so với gia đình mà người mẹ không đi học, và còn thấp hơn nữa ở các gia đình mà người mẹ học đến trung học. Phụ nữ có học vấn cao hơn dường như sử dụng các dịch vụ chăm sóc con cái chính quy và đưa con đi tiêm chủng đầy đủ(1). Các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới đều cho thấy trình độ của người mẹ quyết định đến sự thành công của con trong học vấn và sự nghiệp. Những người mẹ “thông minh” sẽ dạy con với những phương pháp thông minh nhất và kết quả là con của họ cũng thành những người “thông minh”. Bên cạnh đó, vai trò cá nhân của người mẹ trong những năm đầu đời của đứa trẻ là con đường chính để bất bình đẳng giới có thể làm ảnh hưởng tới các thế hệ sau. Dinh dưỡng và sức khỏe của người mẹ kém có thể có những tác hại lớn cho việc mang thai và khả năng nuôi dưỡng con của người mẹ. Sự thất học và phụ thuộc vào người khác của người mẹ sẽ lấy đi sự hiểu biết và sự tự tin, làm suy giảm khả năng nuôi dưỡng và bảo vệ con của người mẹ. Đối với đứa trẻ sống trong đói nghèo ít có khả năng tiếp cận tới sự chăm sóc và phòng bệnh chính quy, thì người mẹ trở thành người bảo vệ đầu tiên và duy nhất. Như vậy, sức khỏe, học vấn, khả năng quyết định của người mẹ, nhận thức

của người mẹ về giới... có vai trò quan trọng đối với việc sinh con (số con, khoảng cách giữa các lần sinh), cách nuôi dạy con, nhận thức của các thành viên gia đình về giới và bình đẳng giới... Do vậy, phân bổ nguồn lực trên cơ sở bình đẳng giới góp phần đảm bảo bình đẳng giới trong gia đình. Khi hiểu biết, học vấn, sức khỏe của phụ nữ được nâng cao sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho các thành viên gia đình, đặc biệt là con cái.

Như vậy, gia đình phân bổ các nguồn lực đầu tư cho nam giới và nữ giới như nhau chính là biện pháp đảm bảo công bằng giới. Công bằng giới sẽ tiến tới bình đẳng giới. Tuy nhiên, quyết định đầu tư của các gia đình bình đẳng giữa nam và nữ lại được đặt trong khuôn khổ cộng đồng, phản ánh tác động của những động cơ khuyến khích mà thể chế và chính sách đã xác lập. Nền kinh tế quyết định rất nhiều cơ hội mà con người có thể nâng cao mức sống của mình, do đó chính sách và sự phát triển kinh tế có tác động mạnh mẽ đến bình đẳng giới. Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, thì cha mẹ sẽ phải cân nhắc xem đầu tư cho con trai hay cho con gái đem lại hiệu quả kinh tế hơn; con trai hay con gái có cơ hội tham gia vào quá trình lao động trình độ cao để tăng thu nhập hơn... Do vậy, gia đình có thể đưa ra các quyết định đầu tư nguồn lực bình đẳng giữa nam và nữ cần phải có nhận thức đúng đắn, có tầm nhìn chiến lược và vì lợi ích chiến lược của cá nhân, gia đình và xã hội.

2.3. Gia đình không có bạo lực – tiền đề quan trọng tiến tới bình đẳng giới

“Gần như tất cả hành động bạo lực ngoài chiến tranh có thể được coi liên quan tới giới”(2). Vai trò giới và những kỳ vọng về giới tạo ra sự tương tác và hành vi dẫn đến bạo lực. Sự kỳ

vọng vào vai trò trụ cột của đàn ông trong việc đảm bảo cuộc sống của các thành viên gia đình và là người quyết định các vấn đề trong gia đình đã gây áp lực lớn cho người đàn ông. Khi nền kinh tế chuyển đổi hoặc có sự thay đổi trực tiếp trong công việc dẫn đến không còn khả năng kiếm tiền thì nhiều người cảm thấy bất lực, rơi vào tình trạng nghiện rượu, hành hạ vợ con, ly hôn... Đồng thời, quan niệm về vai trò là người “nổi dãi” của nam giới ở các nước phương Đông đã dẫn đến tình trạng “trọng nam, khinh nữ” tồn tại dai dẳng. Điều đó dẫn đến hệ quả là lựa chọn giới tính thai nhi; phân biệt đối xử giữa con trai, con gái; hành hạ, ngược đãi con gái; con gái không được đi học... Trong bối cảnh mà nạn bạo lực gia đình diễn ra trên toàn cầu mà nạn nhân chủ yếu là phụ nữ thì có thể thấy gia đình là nơi tập trung chủ yếu nhất của sự áp bức đối với phụ nữ. Do vậy, hướng tới gia đình không có bạo lực là một trong những mục tiêu của bình đẳng giới. Để đạt được mục tiêu đó, mỗi thành viên gia đình phải tôn trọng các quyền cá nhân của các thành viên khác đã được pháp luật công nhận. Mặt khác, mỗi thành viên gia đình phải được đối xử công bằng. Mọi hành vi phân biệt dựa trên cơ sở giới đều được xóa bỏ.

3. Kết luận

Vấn đề bình đẳng giới đã được Đảng, Nhà nước ta đánh giá là có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của đất nước. Do đó, bình đẳng giới trở thành trung tâm của phát triển, là một mục tiêu phát triển, là một yếu tố để nâng cao khả năng tăng trưởng của quốc gia, xóa đói giảm nghèo và quản lý nhà nước có hiệu quả. Thiên vị và bất bình đẳng giới gây tổn hại đến thế hệ tương lai và làm cho sự chênh lệch giữa nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội trở nên dai dẳng. Bất bình đẳng

giới ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của cá nhân và của đất nước. Theo các kết quả nghiên cứu, ba yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến bình đẳng giới là: Các thể chế (gồm các chuẩn mực xã hội, luật pháp và thị trường); gia đình; nền kinh tế. Trong ba yếu tố đó thì yếu tố gia đình tác động trực tiếp và thường xuyên nhất. Vì vậy, gia đình là mục tiêu quan trọng nhất của cuộc cách mạng về giới. Con đường nhận thức và hành động vì sự bình đẳng giới phải bắt đầu từ gia đình và ngay trong gia đình. Bất bình đẳng giới là nguồn gốc cơ bản về lịch sử, xã hội của những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu trong quan hệ vợ chồng. Những nhu cầu, lợi ích cá nhân không được đáp ứng trong hôn nhân dần trở thành xung đột và kéo theo hậu quả tiêu cực về mặt xã hội và gia đình. Do vậy, thực hiện bình đẳng giới trong gia đình là giải phóng phụ nữ - giải phóng một nửa của xã hội và góp phần xây dựng thể chế gia đình bền vững. Bình đẳng giới nói chung và bình đẳng giới trong gia đình nói riêng không phải chỉ vì phụ nữ, cũng không phải chỉ là vấn đề của phụ nữ mà còn là vì nam giới, là vấn đề của cả nam giới. Để có sự bình đẳng giới một cách thiết thực, đòi hỏi phải có sự tham gia của cả nam giới và nữ giới.

Tài liệu tham khảo:

- (1). Đưa vấn đề giới vào phát triển. NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội – 2001, tr. 83, 84
- (2). Đưa vấn đề giới vào phát triển. NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội – 2001, tr. 81
- (3) Luật Bình đẳng giới năm 2007
- (4) Ngân hàng Thế giới – Liên Hợp Quốc tại Việt Nam “Chuẩn bị cho tương lai: Các chiến lược ưu tiên nhằm thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam”. Hà Nội, 2005

TS. Ngô Thị Hoàng //
<http://tcdcpl.moj.gov.vn>

HIỂU ĐÚNG VỀ NỮ QUYỀN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Phải chăng đề cao đức tính hi sinh, sự dịu dàng và nhẫn nhịn của phụ nữ là đang bảo vệ và tôn vinh họ? Phải chăng nữ quyền là tranh đấu và chia đôi thế giới này thành hai nửa riêng để phụ nữ và nam giới đều được hưởng như nhau? TS. Khuất Thu Hồng (Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển xã hội) trao đổi với Tia Sáng về những mệnh đề cơ bản này.



TS. Khuất Thu Hồng

Tia Sáng: *Nhiều người cho rằng, phụ nữ Việt Nam thời nay thật hạnh phúc vì đã bình đẳng như nam giới, có thể tự do làm nhiều điều mình muốn, được Luật Bình đẳng giới bảo vệ, có cả những cơ quan chuyên trách về các vấn đề của phụ nữ... Bà có đồng tình với quan điểm đó?*

TS. Khuất Thu Hồng: Nếu chúng ta nhìn bề ngoài thì sẽ thấy dường như đúng là như vậy, người phụ nữ bây giờ sướng hơn, họ có thể ăn mặc đẹp, đi làm ở công sở, thậm chí làm lãnh đạo, một năm có mấy ngày kỷ niệm như ngày 8/3, 20/10, trong khi đó, đàn ông thì không có ngày kỷ niệm nào của riêng mình. Nhưng điều đó chưa phải là tất cả sự thật về cuộc sống của phụ nữ Việt Nam hiện nay. Đây có thể là một phần sự thật về nhóm phụ nữ trí thức, có thu nhập cao ở thành phố, nơi vị thế của phụ nữ được cải thiện nhiều hơn,

nơi quan hệ giữa hai giới bình đẳng hơn. Nhưng đó không phải là sự thật cho tất cả phụ nữ Việt Nam – ở nhiều nơi trên đất nước này phụ nữ vẫn luôn phải đứng sau người đàn ông (cho dù người đàn ông đó kém cỏi hơn). Khi nhìn sâu hơn nữa vào cuộc sống của mỗi gia đình thì sẽ thấy rằng nhận xét đó còn rất phiến diện.

Không thể phủ nhận những nỗ lực trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao địa vị của phụ nữ ở Việt Nam nhưng chưa thể nói chúng ta đã đạt được bình đẳng giới, hay là nói theo kiểu dân dã hơn là “Như thế này là tốt quá rồi!” Tôi nghĩ, với công lao, năng lực của họ, phụ nữ Việt Nam xứng đáng nhiều hơn thế. Hãy nhìn vào từng gia đình, ngay cả ở thành phố, ngay cả ở trong những gia đình trí thức, có địa vị cao trong xã hội, liệu đã có bình đẳng thực sự hay chưa? Liệu có bao nhiêu ông chồng hết giờ làm việc về nhà nấu cơm, đón con? Có bao nhiêu ông chồng biết giặt quần áo và cho con ăn? Ở nông thôn thì bức tranh còn nhiều mảng tối hơn nữa. Cảnh “chồng chúa vợ tôi” vẫn chưa hề cũ trong cuộc sống của ngày hôm nay.

Phụ nữ thành đạt hơn người chồng là một điều mà mọi người không mấy tán thưởng ở xã hội này, người ta luôn luôn muốn phụ nữ phải thấp hơn đàn ông một tí, kể cả tuổi tác đến tài năng, địa vị, tiền bạc...

Chưa kể bạo lực gia đình vẫn còn đang là bóng ma ám ảnh bao nhiêu người phụ nữ. Gần 60% phụ nữ Việt Nam đã kết hôn đã từng phải chịu ít nhất một dạng bạo lực, thể xác, tinh thần và tình dục. 13,5% phụ nữ đã kết hôn đã trải qua quan hệ tình dục không

mong muốn với chồng. Có nghĩa là, ngay cả trong quan hệ gần gũi nhất thì người phụ nữ vẫn phải “ưu tiên” nhu cầu của người chồng. Tôi có thể nêu ra rất nhiều ví dụ để chứng minh rằng bất bình đẳng giới vẫn đang hiện diện trong mọi khía cạnh của đời sống. Tôi muốn nói đến bình đẳng giới thực sự, không phải là bình đẳng giới trên giấy.

Chưa hết, mỗi khi TV, đài, báo đưa lên câu chuyện về một người phụ nữ thành đạt, thì thế nào cũng có sự nghi ngờ đại loại là ông chồng của cô này thế nào? Có thành đạt như cô ấy không? Nếu như ông chồng không thành đạt bằng vợ mình thì nhiều người sẽ chép miệng, lo lắng cho cô ấy rằng liệu như thế có bền không? Cô ấy có thời gian để nấu cơm cho chồng không? Người phụ nữ thành đạt hơn người chồng là một điều mà mọi người không mấy tán thưởng ở xã hội này, người ta không khuyến khích cho một mô hình như vậy, người ta luôn luôn muốn phụ nữ phải thấp hơn đàn ông một tí, kể cả tuổi tác đến tài năng, địa vị, tiền bạc. Người Việt Nam thường gắn hạnh phúc và sự thành đạt của người phụ nữ với một gia đình yên ổn, hạnh phúc, nơi mà người chồng luôn luôn hài lòng về người vợ, các con luôn luôn hài lòng về bà mẹ của mình, về đến nhà lúc nào cũng có cơm ngon canh ngọt. Còn những người phụ nữ thành đạt mà thiếu những tiêu chuẩn kia thì sự thành đạt đó không có mấy giá trị.

Như vậy là, người ta đang cố “nhốt” phụ nữ vào trong những khuôn mẫu rất “truyền thống”- vốn để duy trì chế độ phụ quyền gia trưởng?

Đúng vậy, khuôn mẫu này được nhập khẩu từ Nho giáo Trung Hoa và được gắn với những mỹ từ như là “thiên chức”, “truyền thống tốt đẹp”, “bản sắc văn hoá” ... để ru ngủ người phụ nữ và nhốt chặt họ vào trong đó.

Rất tiếc là không ít người phụ nữ cũng tự nguyện “giam mình” trong cái khuôn ấy và giam luôn cả con gái, em gái, bạn gái của mình. Có những người không nhận ra mình đang mê ngủ. Những người khác nhận ra đó là những giá trị ảo và thấy ngọt ngào nhưng không dám thay đổi, không dám thách thức bản thân, thách thức số phận.

Phải chăng chính vì đã sống lâu trong cái khuôn mẫu đó, đang quen với những giá trị đẹp đẽ mà xã hội cố gắng tôn vinh, gán cho phụ nữ như sự dịu dàng, có trách nhiệm “tối cao” là đảm bảo hạnh phúc gia đình nên nhiều người cũng chẳng còn tha thiết gì với vấn đề nữ quyền?

Dường như ở Việt Nam người ta hiểu không đúng lắm về nữ quyền, hầu như chỉ hiểu theo nghĩa đen là quyền của phụ nữ. Nếu chỉ nhìn như vậy thì hẳn là nhiều người sẽ nghĩ ngay là ôi, phụ nữ bây giờ lắm quyền rồi. Việt Nam đã có Hội Phụ nữ to như thế, bao nhiêu chương trình chính sách về bình đẳng giới, về sự tiến bộ phụ nữ như thế thì cần gì phải có phong trào nữ quyền nữa. Cũng không ít người cho rằng đặt vấn đề nữ quyền là bắt chước phương Tây, nhập khẩu những quan niệm xa lạ với thực tế Việt Nam.



Phụ nữ được gắn với vai trò gìn giữ một gia đình hạnh phúc, nơi luôn có “cơm ngon canh ngọt”.

Mọi người “dị ứng” với nữ quyền có phải là vì cách hiểu rằng,

nữ quyền là phải “phá tan” tất cả những ràng buộc, áp đặt do đàn ông xây nên?

Có không ít người nghĩ về nữ quyền đầy tiêu cực, là cứ phải gào lên, hò hét, chỉ đấu tranh cho phụ nữ, chỉ nghĩ tới quyền lợi của người phụ nữ, thậm chí chia đôi thế giới này thành hai nửa riêng cho phụ nữ và nam giới mà bất chấp mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới. Người ta có thể hiểu theo một nghĩa rất triệt để là ông rửa một cái bát thì tôi cũng rửa một cái bát. Đó cũng là cách hiểu về nữ quyền một cách khá thô thiển tuy nhiên vẫn có rất nhiều người hiểu theo cách này. Cách diễn giải như vậy sẽ khiến cho mọi người ngày càng ác cảm với nữ quyền.

Vậy phải hiểu đúng về vấn đề nữ quyền như thế nào, thừa bà?

Nói một cách ngắn gọn nữ quyền là phong trào chính trị - xã hội, nhằm khẳng định và đấu tranh cho quyền của phụ nữ trong mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình và cá nhân. Phong trào nữ quyền thách thức mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới hiện tại, đòi hỏi sự bình đẳng về cơ hội việc làm, học tập, tham gia chính trị, xã hội và đời sống gia đình và cá nhân. Lý thuyết nữ quyền, bắt nguồn từ phong trào nữ quyền thì tập trung nghiên cứu về bản chất của bất bình đẳng giới thông qua những vai trò và trải nghiệm của phụ nữ, từ đó giải thích nguyên nhân của bất bình đẳng giới, làm cơ sở cho những giải pháp đấu tranh cải thiện địa vị của phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng.

Tiếc là từ góc độ này, những nghiên cứu thực sự về nữ quyền thì cũng chưa nhiều. Có một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam tự cho mình theo quan điểm nữ quyền hay tự cho mình là chuyên gia về vấn đề phụ nữ, về giới nhưng nghiên cứu của họ lại

củng cố mối quan hệ giới bất bình đẳng, củng cố quan niệm truyền thống về phụ nữ. Thành ra, dù tiếng là nghiên cứu về phụ nữ và vì phụ nữ nhưng các nghiên cứu đó ngoài mô tả cuộc sống của phụ nữ thì không chỉ ra được nguyên nhân của bất bình đẳng giới và sự thiệt thòi của phụ nữ. Trong khi đó một số nghiên cứu rất sắc sảo của các nhà nghiên cứu nước ngoài thì lại ít được tham khảo nghiêm túc và thường có xu hướng coi đó là không phù hợp với thực tế Việt Nam.

Nhìn vào hầu hết diễn đàn cho phụ nữ hiện nay, dường như chính chúng ta lại vẫn cứ đang ràng buộc phụ nữ vào những vấn đề muôn thuở, củng cố những mối quan hệ bất bình đẳng bằng việc chỉ gắn phụ nữ với bếp núc, với những đối xử trong gia đình thay vì mở rộng phạm vi quan tâm của phụ nữ.

Đúng là các diễn đàn cho phụ nữ đang củng cố những quan điểm cũ là phụ nữ phải “truyền thống” bằng việc dạy nấu ăn, mách nhau mẹo trang điểm cho đẹp, nhưng để làm gì? Để giữ chồng, canh chồng, làm đẹp lòng và giữ chặt ông ấy ở nhà mà chưa bao giờ đặt ra câu hỏi làm thế nào để có ông chồng thay đổi?

Nhưng bởi vì tự “giam mình” trong những khuôn mẫu ở trên nên nhiều người lại nghĩ rằng chia sẻ những kinh nghiệm đó là đang làm điều rất tốt cho phụ nữ. Cuối cùng phụ nữ chỉ quanh đi quẩn lại trong những chuyện thế thôi. Và rồi những diễn đàn đó lại đã phá những người theo quan điểm nữ quyền, họ nói rằng, nữ quyền thì chỉ cổ vũ phụ nữ sống như đàn ông, không chịu nấu cơm, rửa bát, không lấy chồng, dễ dàng bỏ chồng, ăn to nói lớn. Nhưng nữ quyền không phải là như vậy. Nữ quyền khuyến khích phụ nữ sống độc lập, tự tin, không phụ thuộc. Nữ quyền không phải là phủ nhận đàn ông hay phủ nhận nữ tính.

Chúng ta hướng tới là một xã hội, mà ở đó, người phụ nữ có thể tự quyết định mình thích cái gì, chứ không phải là làm theo những điều mà người ta thích phụ nữ làm.

Tôi thấy có phần tuyệt vọng quá! Liệu có thay đổi được những điều đã thành cố hữu trong tư tưởng của xã hội và của từng người phụ nữ không? Cái mà chúng ta hướng tới là gì?

Thay đổi như chúng ta muốn là bình đẳng thực sự là rất khó. Nhưng với thời gian điều đó sẽ xảy ra. Đó là khi mà có rất nhiều phụ nữ cùng chia sẻ suy nghĩ như là chúng ta đang trao đổi ở đây. Nếu bạn xem những bộ phim của Mỹ vào những năm 1950, thì thấy giống hệt Việt Nam bây giờ. Thậm chí có những trường dạy cho những cô gái con nhà quý tộc hoặc tầng lớp trung lưu trở lên cách làm bà nội trợ, dạy họ cách làm như thế nào để lấy được một ông chồng giàu có thay vì học hành và làm việc để có cuộc sống độc lập. Tôi không nói rằng, ngày nay tất cả mọi người Mỹ đều có cùng quan điểm như mình đang thảo luận, vẫn còn nhiều phụ nữ ở đó có tư tưởng rất truyền thống, cũng như rất nhiều người đàn ông vẫn gia trưởng giống đàn ông Việt Nam nhưng mà xu hướng chủ đạo đã thay đổi. Ngay cả ở châu Âu cũng thế, có rất nhiều phụ nữ chỉ làm nội trợ suốt đời và tin rằng đó là điều tốt đẹp nhưng quan điểm chủ đạo về vị thế của phụ

nữ và quan hệ giới thì đã thay đổi. Điều quan trọng là những xã hội đó thay đổi theo cách để cho phụ nữ tự lựa chọn. Người phụ nữ có thể lựa chọn ở nhà làm nội trợ nếu họ thích như vậy. Nhưng nếu họ lựa chọn làm việc, theo đuổi sự nghiệp của mình thì xã hội cũng trân trọng và ủng hộ. Những người phụ nữ như vậy sẽ không bị phê phán là thiếu nữ tính, ích kỷ hay không hoàn hảo.

Như vậy, cái mà chúng ta hướng tới là một xã hội, mà ở đó, người phụ nữ có thể tự quyết định mình thích cái gì, chứ không phải là làm theo những điều mà người ta thích phụ nữ làm. Bây giờ nhiều phụ nữ đang phải làm những điều mà người khác thích phụ nữ làm. Và đang có những nỗ lực để khiến phụ nữ tin rằng đó mới là đúng đắn.

Để thay đổi được, thì trước hết phải bắt đầu từ đâu, thưa bà?

Tôi nghĩ là sự thay đổi bắt đầu từ việc truyền bá những quan điểm đó. Truyền thông sẽ là một kênh rất quan trọng cho việc này. Những tư tưởng và hành động bắt đầu từ những cá nhân được truyền bá sẽ tạo thành làn sóng và lan rộng thành phong trào, tạo ra sự thay đổi rất căn bản, vững bền vì đó là lựa chọn của chúng ta vì chính chúng ta.

Xin cảm ơn sự chia sẻ của bà!

Thu Quỳnh thực hiện! //
<http://tiasang.com.vn>

BÌNH ĐẲNG GIỚI TỬ NGAY TRONG MỖI GIA ĐÌNH

“Bình đẳng giới thực chất, quyền trẻ em, phụ nữ cần được tôn trọng ngay trong gia đình là nền tảng để thúc đẩy bình đẳng ở ngoài xã hội”.

Đó là quan điểm của bà Ngô Thị Thu Hà, Phó Giám đốc Trung tâm hỗ trợ giáo dục và nâng cao năng lực cho phụ nữ (CEPEW) trong cuộc trò chuyện với TG&VN nhân Tháng hành động vì

bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2017, từ ngày 15/11 đến 15/12.



Bà Ngô Thị Thu Hà, Phó Giám đốc Trung tâm hỗ trợ giáo dục và nâng cao năng lực cho phụ nữ (CEPEW).

Việt Nam được các tổ chức quốc tế đánh giá là một trong những quốc gia đạt được nhiều thành tựu về bình đẳng giới. Tuy nhiên, việc bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ vẫn đang gặp nhiều thách thức. Làm sao để đẩy mạnh xóa bỏ bạo lực đến mọi tầng lớp, để không ai bị bỏ lại phía sau?

Theo tôi, cần thay đổi nhận thức của các bên liên quan về khuôn mẫu, định kiến. Bình đẳng giới thực chất, quyền trẻ em, quyền phụ nữ cần được tôn trọng ngay trong gia đình và là nền tảng để thúc đẩy bình đẳng ở ngoài xã hội. Khi một cá nhân được tôn trọng và bảo vệ từ trong gia đình sẽ tự tin để bảo vệ mình và người khác ở nơi công cộng.

Do đó, hiện nay, chúng tôi đang hướng đến giáo dục cho thanh niên về các giá trị phổ quát, bao gồm bình đẳng thực chất. Bởi lẽ, thanh niên là đối tượng đứng trước ngưỡng cửa tự lập và hôn nhân. Qua đó, giúp họ có những thay đổi về thái độ và hành vi với người khác. Có lẽ, đây là cách phòng, chống bạo lực gia đình một cách bền vững.

Khi thực hiện những hoạt động tuyên truyền các thông điệp về bình

đẳng giới, phòng chống bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái, có những khó khăn gì thường gặp phải?

Thường trong gia đình, người lớn sử dụng thái độ và hành vi bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái nhưng lại nhìn nhận là dạy dỗ. Ở trường cũng vậy, bạn bè bạo lực nhưng lại cho là trêu đùa nhau. Do đó, khó khăn đầu tiên là nạn nhân không nhận thức được mình bị bạo lực. Nếu nhận ra được nhưng đối tượng gây ra là người thân, bạn bè lại không “vạch áo cho người xem lưng”. Do đó, bạo lực cứ âm thầm xảy ra mà không được báo cáo và giải quyết bởi pháp luật.

Một mặt, chúng ta vẫn còn phụ thuộc vào biện pháp hòa giải cộng đồng để giải quyết bạo lực. Tuy nhiên, cộng đồng thế giới và Ủy ban Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ cho rằng biện pháp này không hiệu quả. Đồng thời, họ khuyến nghị Việt Nam cần điều chỉnh về mặt luật pháp cũng như biện pháp can thiệp khi các vụ bạo lực xảy ra.

Theo bà, đâu là chìa khóa để chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái?

Qua nhiều năm làm việc, tôi nhận thấy các cơ quan nhà nước và cộng đồng cần sớm triển khai đề án giáo dục như tôn trọng sự đa dạng, không phân biệt đối xử, khoan dung, nhân quyền và nhân phẩm. Từ đó, mỗi cá nhân ý thức được quyền của mình để lên tiếng khi bị bạo lực cũng như tôn trọng quyền của người khác.

Về mặt luật pháp, cần hình sự hoá tất cả các hành vi bạo lực với người khác dù là người thân, bạn bè, đồng nghiệp hay người không quen biết. Tòa án và các cơ quan chức năng cần xử lý kịp thời và nghiêm minh đối với người gây bạo lực, dù gây bạo lực với ai.

Tôi đã có gần 20 năm làm trong lĩnh vực này, cũng có nhiều can thiệp và nghiên cứu về bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và xã hội. Nhưng tôi nhìn nhận, nạn nhân của bạo lực không chỉ phụ nữ và trẻ em gái mà còn có cả nam giới và trẻ em trai. Có thể do định kiến về vai trò và giá trị của nam giới nên họ ít báo cáo tình trạng, đặc biệt là bạo lực gia đình mà âm thầm chịu đựng.

Có người nói, bạo lực gia đình như cơn bão âm thầm trong cuộc đời mỗi người mà sự can thiệp của nó không thể tính bằng giờ mà bằng những năm tháng tuổi trẻ, thậm chí bằng cả cuộc đời. Vậy làm sao để người trong cuộc có thể tự phá vỡ sự im lặng để cứu mình?

Thực tế, bạo lực không chỉ tổn hại đối với nạn nhân, người gây bạo lực và người xung quanh họ mà còn tổn hại cho cả nền kinh tế quốc gia. Tôi được biết, ở Việt Nam đã có nghiên cứu về tổn hại kinh tế đối với bạo lực gia đình và con số thiệt hại không hề nhỏ. Bởi lẽ, giải quyết bạo lực không chỉ là câu chuyện của người trong cuộc mà còn là nguồn lực của xã hội và quốc gia dành cho công cuộc phòng, chống tệ nạn này.

Tại một số quốc gia tôi có kinh nghiệm nghiên cứu như Australia, Canada, Mỹ thì việc phá vỡ sự im lặng thường đến từ người khác như hàng

xóm hay thầy, cô giáo ở trường. Khi thấy có người bị bạo lực dù người đó là ai, họ có trách nhiệm thông báo cho cảnh sát và sau đó tòa án sẽ có can thiệp kịp thời.

Tham gia đối thoại với Thủ tướng Canada Justin Trudeau vừa qua, có thông điệp nào về phòng chống bạo lực được đưa ra để bàn bạc hay không, thưa bà?

Tại buổi đối thoại, chúng tôi không trao đổi cụ thể về phòng chống bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái. Chúng tôi tập trung trao đổi về việc cần mở rộng không gian cho các tổ chức phi chính phủ hoạt động, trong đó có các tổ chức phi chính phủ đang thúc đẩy bình đẳng giới và bảo vệ quyền phụ nữ, trẻ em gái.

Canada cũng có nhiều chương trình hỗ trợ cho Việt Nam trong công tác thúc đẩy bình đẳng giới và quyền phụ nữ, trẻ em gái bằng các dự án song phương cũng như thông qua các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam. Tại buổi trao đổi, chúng tôi cũng đề cập đến việc cần sử dụng các chuẩn mực phổ quát trong các công ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam đã phê chuẩn để thúc đẩy bình đẳng giới thông qua các dự án này.

Xin cảm ơn bà!

Yến Nguyệt //
<http://baoquocte.vn>

ĐỂ GIA ĐÌNH THỰC SỰ LÀ TẾ BÀO LÀNH MẠNH CỦA XÃ HỘI

“**X**ây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đó là tinh thần đã được Đại hội đại biểu

toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp nối nhằm khẳng định một lần nữa quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề gia đình và xây dựng gia đình văn hóa.

Quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta về phòng, chống bạo lực gia đình

Việt Nam đã tham gia Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước về quyền trẻ em đã lần lượt được Liên hợp quốc phê chuẩn ngày 18-12-1979 và ngày 20-11-1989. Từ đó, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, từ Hiến pháp cho đến các đạo luật đều khẳng định sự bình đẳng về mọi mặt giữa nam và nữ, đồng thời nhiều chính sách và văn bản pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình (BLGD) đã được ban hành.

Năm 2005, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 21-2-2005, về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; ngày 9-5-2011, Ban Bí thư tiếp tục ra Thông báo số 26-TB/TW, về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó nêu rõ: nếu không quan tâm, củng cố, ổn định và xây dựng gia đình thì gia đình Việt Nam sẽ dễ bị suy yếu, dẫn đến suy yếu động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về gia đình, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật thể hiện rõ quan điểm này, như: Hiến pháp năm 1992, Bộ Luật Lao động, Bộ Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000); Luật Bình đẳng giới (năm 2006); Luật Phòng, chống BLGD (năm 2007); Pháp lệnh Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (năm 2012)...

Trong các văn kiện, văn bản quy phạm pháp luật này, có những điểm, điều khoản quy định rất cụ thể về quyền được bảo vệ, quyền bình đẳng

về mọi mặt cũng như những điều cấm liên quan đến bạo hành với phụ nữ. Hiến pháp năm 1992 quy định: “Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự”. Xây dựng quan hệ vợ - chồng là quan hệ hôn nhân tự nguyện, bình đẳng... Cấm các hành vi ngược đãi, hành vi xúc phạm danh dự, uy tín của nhau”. Điều 21, Luật Hôn nhân và gia đình quy định các biện pháp ngăn chặn và xử lý những hành vi BLGD của chồng đối với vợ, con hoặc ngược lại... Nghị định số 08/2008/NĐ-CP ngày 04-02-2009, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống BLGD, đã quy định tại Điều 8: không cho phép người có hành vi BLGD thực hiện các hành vi đến gần nạn nhân trong khoảng cách dưới 30m; trừ trường hợp giữa người có hành vi BLGD và nạn nhân có sự ngăn cách như tường, hàng rào hoặc các vật ngăn cách khác, bảo đảm đủ an toàn cho nạn nhân; sử dụng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc các phương tiện thông tin khác để thực hiện hành vi bạo lực với nạn nhân...

Ngoài ra, một loạt các văn bản liên quan khác mang tính hướng dẫn thực hiện cũng đã được ban hành...

Ngăn chặn, loại trừ các hành vi bạo lực gia đình

Trong những năm qua, bên cạnh nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành nhằm bảo vệ sự an toàn của mỗi thành viên gia đình, Chính phủ đã có nhiều cố gắng, bằng nhiều hình thức, biện pháp để ngăn chặn và loại trừ các hành vi BLGD, như: *Một là*, mở những cuộc vận động tuyên truyền có quy mô rộng lớn về việc xây dựng gia đình văn hóa, bình đẳng và không có bạo lực. *Hai là*, tổ chức hoạt động can thiệp, hòa giải ở cơ sở. *Ba là*, tăng

cường, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của các cơ sở hỗ trợ và tư vấn nạn nhân BLGĐ. *Bốn là*, tạo điều kiện, huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân cả trong và ngoài nước, đẩy mạnh các chương trình, dự án nhằm xóa bỏ bạo lực với phụ nữ, bạo hành trong gia đình.

Từ những chủ trương trên, qua quá trình thực hiện đã đạt được một số kết quả nhất định. Kết quả điều tra, nghiên cứu của Tổng cục Thống kê, Tổ chức Y tế thế giới, Quỹ Dân số Liên hợp quốc thực hiện trong hai năm 2009, 2010 về BLGĐ đã cho thấy, bạo lực gia đình ở Việt Nam đã có chuyển biến tích cực mặc dù vẫn còn khá phổ biến. Cụ thể, cứ một trong ba phụ nữ đã từng kết hôn (34%) từng bị bạo lực thể xác hoặc tình dục do chồng hoặc bạn tình gây ra, tuy nhiên, số phụ nữ bị bạo lực trong 12 tháng qua là 27%, số phụ nữ hiện tại vẫn đang bị bạo lực chỉ có 9%. Theo nghiên cứu, khoảng 5% phụ nữ từng có thai đã bị chính người cha của đứa trẻ mình đang mang trong bụng lạm dụng, đánh đập trong thời gian mang thai. Cứ bốn phụ nữ có con dưới 15 tuổi thì có một người cho biết con của họ đã từng bị chồng họ bạo hành thể xác. Tại một số vùng ở Việt Nam, cứ 10 phụ nữ thì có bốn người nhận thấy gia đình không phải là nơi an toàn đối với họ. Ví dụ, ở vùng Đông Nam Bộ, 42% phụ nữ cho biết họ đã từng bị chồng mình bạo hành thể xác hoặc tình dục. Tỷ lệ phụ nữ đang, đã từng là nạn nhân của bạo lực gia đình dao động từ 8% (người H'Mong) đến 36% (người Kinh).

Giải pháp để chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước được phát huy hiệu quả cao

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và đầu tư nguồn lực của

chính quyền các cấp; xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện từ Trung ương tới cơ sở; tăng cường sự tham gia, phối hợp của các bộ, ngành, đoàn thể và toàn xã hội trong công tác phòng, chống BLGĐ.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống BLGĐ. Đồng thời, tăng cường giáo dục pháp luật để pháp luật thực sự phát huy hiệu quả trong cuộc sống.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả của thông tin, tuyên truyền pháp luật về phòng, chống BLGĐ nhằm thay đổi nhận thức, hành vi trong ứng xử về gia đình và BLGĐ, nhất là tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, tập trung vận động nam giới nâng cao hiểu biết về quyền của phụ nữ.

Thứ tư, xây dựng khung giám sát, cơ chế giám sát việc triển khai thực thi Luật từ Trung ương đến cơ sở.

Thứ năm, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin để học hỏi kinh nghiệm trong lĩnh vực phòng, chống BLGĐ giữa các địa phương, giữa các quốc gia trong khu vực và toàn cầu.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế, bảo đảm sự hài hòa giữa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia với hệ thống luật pháp Việt Nam trong lĩnh vực phòng, chống BLGĐ./.

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 77

ThS. Mai An //
<http://www.tapchicongsan.org.vn>

XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM "NO ẮM, BÌNH ĐẲNG, TIẾN BỘ, HẠNH PHÚC VÀ VĂN MINH"

Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc là góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là trách nhiệm của nhiều ban ngành, nhiều tổ chức xã hội và của mỗi công dân.

Gia đình có vai trò rất lớn trong việc hình thành và phát triển của xã hội, góp phần xây dựng, tô thắm, làm rạng rỡ thêm bản sắc văn hóa dân tộc; là nơi duy trì nòi giống, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc muốn tồn tại và phát triển đều phải biết chăm sóc và bảo vệ gia đình. Chính vì vậy, công tác gia đình đã thực sự trở thành một chiến lược lớn, mang tầm quốc gia, luôn được Đảng và Nhà nước chú trọng và quan tâm, công tác gia đình cũng ngày càng được triển khai một cách sâu rộng trong phạm vi toàn quốc.



Lần đầu tiên, Chính phủ cho phép lĩnh vực gia đình công bố Sách Xanh hằng năm về gia đình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”. Theo lời Bác ngày 28 tháng 6 năm 2000, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 55-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng của cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Ngày 4 tháng 5 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 72/2001/QĐ-TTg về ngày Gia đình Việt Nam. Quyết định nêu rõ: lấy ngày 28/6 hàng năm là ngày Gia đình Việt Nam, nhằm đề cao trách nhiệm lãnh đạo của các ngành, các cấp, các đoàn thể và tổ chức xã hội cùng toàn thể các gia đình thường xuyên quan tâm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ nhiều năm nay, nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của gia đình và sự phối hợp liên ngành trong công tác gia đình giữa cấp ủy Đảng, chính quyền và xã hội trong cả nước đã có bước chuyển biến quan trọng, đem lại hiệu quả tốt đẹp.

Tại Thông báo số 26-TB/TW ngày 09/5/2011 kết luận của Ban Bí thư về việc sơ kết Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 21/2/2005 của Ban Bí thư (khóa IX) về “Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” đã khẳng định “xây dựng gia đình là vấn đề lớn, hết sức hệ trọng của dân tộc và của cả thời đại”. Báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng (khóa XI) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khóa cũng đã nhấn mạnh “Thực hiện

chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”.

Nghị quyết 33-NQ/TW tại Hội nghị BCH TW lần thứ IX về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã xác định một trong những mục tiêu cụ thể “*Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách*”. Công tác gia đình đã được các cấp, các ngành, toàn xã hội quan tâm, là nội dung quan trọng trong kế hoạch, chương trình công tác thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; xây dựng phát triển gia đình là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, Nghị định của Chính phủ, Nghị quyết số 33-NQ/TW và các văn bản liên quan về công tác gia đình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng chủ đề hoạt động của lĩnh vực công tác gia đình là “*Xây dựng nhân cách người Việt Nam từ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình*”. 15 năm qua, đặc biệt từ năm 2011 đến nay, công tác gia đình ở nước ta đã đạt được kết quả đáng ghi nhận:

Hệ thống văn bản quản lý Nhà nước về gia đình đang được hoàn thiện.

Những năm qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai nhiều văn bản, đề án về công tác gia đình: 01 Chiến lược, 01 Nghị định về công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình (PCBLGD), 01 Nghị quyết ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông

báo kết luận của Ban Bí thư về sơ kết Chỉ thị 49 về xây dựng gia đình thời kỳ CNH-HĐH, 01 Chương trình hành động quốc gia về PCBLGD đến năm 2020, 03 đề án, Quyết định phê duyệt Thảng hành động quốc gia về PCBLGD. Hiện nay Bộ đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Quy chế phối hợp liên ngành trong PCBLGD và Chương trình quốc gia về giáo dục đời sống gia đình giai đoạn 2016-2020*. Bộ đã ban hành 02 Đề án, 04 Thông tư và 01 Thông tư liên tịch với Bộ Tài chính...

Đến nay, nhiều địa phương trong cả nước đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các Chiến lược, văn bản, Đề án gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương; đó là: Nghị định quy định về công tác gia đình (Nghị định số 02/2013/NĐ-CP); Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam (Quyết định số 629/2012/QĐ-TTg); Nghị quyết số 81/2012/NQ-CP và thực hiện Chương trình hành động quốc gia về PCBLGD đến năm 2020 (Quyết định số 215/2014/QĐ-TTg). Nhiều địa phương đã ban hành Chỉ thị của tỉnh ủy/ thành ủy về tăng cường công tác gia đình; Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ban hành Nghị quyết nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Chiến lược phát triển gia đình thời kỳ CNH, HĐH. Đây là cơ sở pháp lý để công tác gia đình được triển khai hiệu quả, đồng bộ cả nước.

Các hoạt động sự kiện quan trọng, có ý nghĩa về gia đình.

Năm 2013 được chọn là *Năm gia đình Việt Nam* với chủ đề *Kết nối yêu thương*, đây là một sự kiện quan trọng đánh dấu sự nỗ lực, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong việc xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ và hạnh phúc, phấn đấu hoàn thành mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

Ngày Gia đình Việt Nam 28/6 đến nay đã triển khai được 15 năm với sức lan tỏa mạnh mẽ với các hoạt động ở cả TW và địa phương, mục đích huy động sự quan tâm của toàn xã hội tới gia đình. Cùng với ngày 28.6 với chủ đề *Bữa cơm gia đình* và ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực với phụ nữ 25.11, từ năm 2014, Ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3 với chủ đề *Yêu thương và chia sẻ* đã trở thành một sự kiện truyền thông lớn với ý nghĩa hành động thiết thực vì hạnh phúc gia đình, hạnh phúc cộng đồng. Công tác truyền thông về gia đình được các Bộ, Ban ngành, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân trong cả nước quan tâm, đẩy mạnh tuyên truyền với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, thu hút được sự quan tâm và tham gia của đông đảo người dân; tập trung vào các hoạt động lớn như: Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3, ngày Gia đình Việt Nam 28/6, Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực với phụ nữ 25/11. Lần đầu tiên, Chính phủ cho phép lĩnh vực gia đình công bố *Sách Xanh* hằng năm về gia đình. Đẩy mạnh phối hợp truyền thông về gia đình tạo được hiệu ứng xã hội tốt, thúc đẩy bình đẳng giới trong gia đình, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

Về công tác phòng, chống bạo lực gia đình

Nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình (PCBLGD) được tập trung cho việc truyền thông giáo dục, chuyển đổi hành vi theo hướng lấy phòng ngừa làm chính đồng thời tăng cường các biện pháp xử lý hành vi BLGD, hỗ trợ nạn nhân BLGD. Sau gần 8 năm triển khai Luật PCBLGD, thành công nổi bật là có sự vào cuộc của các Bộ, Ban ngành, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền ở khá nhiều địa phương. Qua theo dõi và tổng hợp báo cáo từ các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương cho thấy: 100% các tỉnh, thành phố thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền đa dạng về hình thức và phong phú về nội dung nhằm vận động nhân dân giữ giữ truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Để công tác gia đình ở nước ta đạt được hiệu quả như mong muốn; gia đình thực sự là một “tế bào” của xã hội; góp phần xây dựng gia đình Việt Nam “No ảm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”, Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch đã xác định rõ Phương hướng, nhiệm vụ về công tác gia đình trong những năm tới gồm các nội dung trọng tâm sau:

Một là, Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030: “Xây dựng gia đình Việt Nam no ảm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ảm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội”. Đồng thời thực hiện hiệu quả Nghị quyết 33-NQ/TW gắn với chủ đề công tác gia đình “*Xây dựng nhân cách người Việt Nam từ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình*”.

Hai là, Tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình, thực hiện Nghị quyết 113/2015/QH13 “*Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng và xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiến bộ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”.

Ba là, Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác gia đình. Đầu tư hơn nữa công tác đào tạo, tập huấn. Tăng cường kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Công tác gia đình các cấp.

Bốn là, Tập trung hoàn thiện các chỉ số, chỉ báo thu thập số liệu về gia đình, bạo lực gia đình kịp thời, chính

xác phục vụ cho công tác tham mưu, hoạch định chính sách về gia đình.

Năm là, Đẩy mạnh tuyên truyền thường xuyên, liên tục, đa dạng hình thức truyền thông; chú trọng tuyên truyền gương điển hình, phê phán hành vi vi phạm pháp luật về gia đình, ngăn ngừa các thông tin, sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào gia đình. Gắn tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình với tuyên truyền thực hiện “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở”.

Sáu là, Nhân rộng các mô hình tốt, các điển hình tiên tiến về công tác gia đình và PCBLGD; tiếp tục xây dựng các mô hình mới về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình sao cho hiệu quả. Tăng cường chia sẻ thông tin, bài học kinh nghiệm, sáng kiến hay, mô hình có hiệu quả về gia đình & PCBLGD. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác gia đình, kêu gọi các nguồn lực đầu tư cho công tác gia đình ở Việt Nam.

ThS. Nguyễn Hữu Giới //
<http://cinet.vn>

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Tình trạng bạo lực gia đình đang diễn ra ngày càng phổ biến ở nhiều nơi. Số vụ bạo hành gia đình gây hậu quả nghiêm trọng có chiều hướng tăng cao. Tình trạng xúc phạm danh dự, nhân phẩm và tính mạng của con người xảy ra hàng ngày mà chủ yếu là đối với phụ nữ và trẻ em. Điều đó không những trái với truyền thống văn hóa tốt đẹp có từ ngàn xưa của dân tộc ta mà quan trọng hơn cả đã xâm phạm đến quyền con người. Tuy nhiên, với nhiều nguyên nhân khác nhau nên nạn nhân không báo về bạo lực gia đình khi đã xảy ra, họ âm thầm chịu đựng thiệt thòi, thậm chí cả khi sức khỏe, tính mạng bị đe dọa. Tình trạng bạo lực gia đình đáng báo động như hiện nay đòi hỏi phải đẩy nhanh hơn nữa việc thực hiện quan điểm chỉ đạo “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dân số, gia đình, trẻ em và chính sách xã hội” trong Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam là hết sức cần thiết.

Việc xây dựng và ban hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất để bảo vệ quyền và lợi ích của các thành viên trong gia đình, góp phần củng cố và xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc trong điều kiện hội nhập quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là đòi hỏi khách quan của thực tiễn hiện nay. Ngày 21/7/2007, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 đã thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2008.

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ra đời là một trong những công cụ pháp lý hữu hiệu để bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình, là cơ sở pháp lý để nâng cao vai trò, hiệu quả trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam.

Để triển khai thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đi vào cuộc sống, ngày 04/02/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2009/NĐ-CP quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Quá trình triển khai thực hiện các văn bản phòng, chống bạo lực gia đình về cơ bản đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, vấn đề bạo lực gia đình đã được nhìn nhận một cách thực sự như một vấn nạn xã hội, phòng, chống bạo lực gia đình đã được các cấp, các ngành và toàn xã hội quan tâm. Tuy nhiên, theo Báo cáo nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam được Chính phủ Việt Nam và Liên hiệp quốc công bố ngày 25/11/2011, cứ ba phụ nữ có gia đình hoặc đã từng có gia đình thì có một người (34%) cho biết họ đã từng bị chồng mình bạo hành thể xác hoặc tình dục. Số phụ nữ có hoặc từng có gia đình hiện đang phải chịu một trong hai hình thức bạo hành này chiếm 9%. Nếu xem xét đến cả ba hình thức bạo hành chính trong đời sống vợ chồng: thể xác, tình dục và tinh thần, thì có hơn một nửa (58%) phụ nữ Việt Nam cho biết đã từng là nạn nhân của ít nhất một hình thức bạo lực gia đình kể trên. Các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy khả năng phụ nữ bị chồng mình lạm dụng nhiều hơn gấp ba lần so với khả năng bị người khác lạm dụng.

Trong những năm gần đây, tình trạng bạo lực gia đình vẫn không có chiều hướng giảm. Ngày càng có nhiều trường hợp bạo lực gia đình gây hậu quả nghiêm trọng được phát hiện, công tác phòng, chống bạo lực gia đình vẫn chưa thật sự hiệu quả, nhận thức về bạo lực gia đình chưa đầy đủ. Đặc biệt ở một số vùng nông thôn, đa số người dân chưa nhận thức được chính xác thế nào là bạo lực gia đình, nhầm lẫn giữa bạo lực gia đình với những mâu thuẫn thường gặp hàng ngày trong đời sống gia đình. Bạo lực gia đình chưa được phát hiện và ngăn chặn kịp thời; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ

quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình chưa được hiểu và thực hiện đúng.

Mặc dù Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đã được áp dụng gần bảy năm, nhưng qua thực tiễn thực hiện pháp luật cho thấy, vẫn còn những bất cập, mâu thuẫn và thiếu những quy định cần thiết để hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình đạt hiệu quả.

Chính vì vậy, ngày 06/02/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 215/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020, với mục tiêu: *“Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình, cộng đồng và toàn xã hội trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình; từng bước ngăn chặn và giảm dần số vụ bạo lực gia đình trên phạm vi toàn quốc”*. Một trong những giải pháp để thực hiện mục tiêu là: *“Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình”*. Nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và pháp luật có liên quan đến công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

Để đáp ứng Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020, khắc phục những hạn chế này, theo chúng tôi, cần phải hoàn thiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và các văn bản pháp luật có liên quan theo hướng sau:

1. Hoàn thiện pháp luật Phòng, chống bạo lực gia đình

Thứ nhất, cần làm rõ khái niệm “thành viên gia đình” trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình nhằm thống nhất với các luật khác.

Về khái niệm “thành viên gia đình”, khoản 2 Điều 1 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định: “Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình”. Tuy nhiên, Luật lại không giải thích khái niệm “thành viên gia đình”, nên gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật.

Trong Luật Hôn nhân và Gia đình hiện hành có tới hai khái niệm thành viên gia đình. Hai khoản của Điều 103 được thể hiện bằng hai cụm từ khác nhau: “Các thành viên *cùng sống chung* trong gia đình có nghĩa vụ” và “Các thành viên *trong gia đình* có quyền được hưởng”. Việc quy định không đồng nhất này dẫn đến cách hiểu tồn tại song song hai loại thành viên gia đình: (1) thành viên cùng sống chung trong gia đình có nghĩa vụ, (2) thành viên trong gia đình có quyền. Như vậy, nếu đối chiếu với Luật Hôn nhân và Gia đình, thành viên gia đình trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được xếp vào loại thứ 2, điều này là hoàn toàn bất hợp lý.

Mặt khác, hiện nay còn có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm này, có người cho rằng thành viên gia đình bao gồm tất cả những người sống chung dưới một mái nhà như ông, bà, cha, mẹ, con cái, dâu, rể, anh chị em... Có người lại cho rằng “Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau” theo như quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; từ đó cho rằng: thành viên gia đình là những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng. Trong thực tế, việc con dâu bạo hành với bố mẹ chồng, con rể bạo

hành đối với bố mẹ vợ xảy ra khá phổ biến, vậy hành vi này có phải là bạo lực gia đình không? Điều đó cho thấy đối tượng điều chỉnh của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình chưa được quy định một cách rõ ràng, có thể gây ra nhiều cách hiểu khác nhau, và do đó việc áp dụng các quy định của Luật để bảo vệ nạn nhân trở nên khó khăn hơn.

Để thống nhất trong việc áp dụng pháp luật, theo chúng tôi, cần quy định cụ thể, rõ ràng về “khái niệm thành viên gia đình”. Thành viên gia đình là những người có một khoảng thời gian sống chung với nhau ổn định, có sự quan tâm chia sẻ với nhau những công việc của gia đình và xã hội, từ đó hình thành nên mối liên hệ đặc biệt về tâm lý, tình cảm, tạo nên cách ứng xử giữa họ với nhau, bao gồm những đối tượng sau: (1) những người sống trong cùng một gia đình, có đời sống chung về mặt vật chất và tinh thần như ông, bà cha mẹ và con cái, vợ và chồng, (2) giữa những người là con dâu với cha mẹ chồng, là con rể với cha mẹ vợ, (3) giữa những người sống chung với nhau như vợ chồng.

Thứ hai, quy định các hành vi cụ thể của từng loại bạo lực gia đình

Hành vi bạo lực gia đình được liệt kê tại Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, theo chúng tôi, là quá chung chung và không đầy đủ. Điều này dẫn đến tình trạng người thực hiện hành vi bạo lực cũng không biết mình đang thực hiện hành vi bạo lực gia đình, đồng thời nạn nhân cũng khó xác định được đâu là hành vi bạo lực gia đình để tố cáo và để yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền can thiệp. Do đó, cần phải phân loại hành vi bạo lực gia đình như:

- *Bạo lực thân thể: là hành vi ngược đãi, đánh đập thành viên gia*

đình, làm tổn thương tới sức khỏe, tính mạng của họ.

- Bạo lực về tình dục: là bất kỳ hành vi nào mang tính chất cưỡng ép trong các quan hệ tình dục giữa các thành viên gia đình, kể cả việc cưỡng ép sinh con.

- Bạo lực về tinh thần: là những lời nói, thái độ, hành vi làm tổn thương tới danh dự, nhân phẩm, tâm lý của thành viên gia đình.

- Bạo lực về mặt xã hội: gồm việc cắt đứt các mối quan hệ giữa người phụ nữ với người thân trong gia đình và bạn bè.

- Bạo lực về kinh tế: là hành vi xâm phạm tới các quyền lợi về kinh tế của thành viên gia đình (quyền tự do lao động, tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản...).

Ngoài ra cần bổ sung các hành vi bạo lực tình dục trong quan hệ vợ chồng như: hành vi ép buộc mang thai, sinh sớm, sinh dày, sinh nhiều con, ép buộc lựa chọn giới tính của thai nhi, ngăn cản không cho sử dụng biện pháp tránh thai...

Thứ ba, quy định về biện pháp cấm tiếp xúc trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

Điểm d Khoản 1 Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định về việc cấm tiếp xúc: “Cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần nạn nhân; sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác để có hành vi bạo lực với nạn nhân (sau đây gọi là biện pháp cấm tiếp xúc)”.

Cấm tiếp xúc trong một thời gian giữa nạn nhân và người có hành vi bạo lực là cần thiết để đảm bảo sự an toàn cho nạn nhân và cũng là để giáo dục người có hành vi bạo hành về lỗi lầm của họ. Tuy nhiên, Luật quy định việc áp dụng biện pháp này phải:

“Có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có đơn yêu cầu thì phải có sự đồng ý của nạn nhân bạo lực gia đình”, điều này có phần chưa khả thi. Bởi vì hầu hết nạn nhân bị bạo lực là người vợ, người con trong đó nhiều người bị phụ thuộc vào người chồng về kinh tế, đặc biệt là người phụ nữ lại rất gần bó với con cái, nên dù bị đối xử tàn nhẫn nhưng họ vẫn có thể cam chịu, tiếp tục sống chung với người có hành vi bạo lực. Do đó, việc quy định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc phải “có đơn yêu cầu của nạn nhân, có sự đồng ý của nạn nhân” là chưa phù hợp với thực tiễn và chưa bảo vệ được các nạn nhân của bạo lực gia đình là phụ nữ, trẻ em. Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 thì điều kiện để cấm tiếp xúc là: “Người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân bạo lực gia đình có nơi ở khác nhau trong thời gian cấm tiếp xúc”. Điều này là không khả thi, vì đa số hành vi bạo lực gia đình xảy ra với những người trong gia đình, sống chung trong một mái nhà nên họ không có nơi ở khác. Do đó, khi áp dụng biện pháp này, trong trường hợp hành vi bạo lực gây tổn hại hết sức nghiêm trọng tới sức khỏe, danh dự của nạn nhân; hành vi lặp lại nhiều lần; người có hành vi đã được giáo dục mà tiếp tục vi phạm... thì không cần đến sự yêu cầu hay cho phép của nạn nhân. Khi thực hiện biện pháp cấm tiếp xúc, nếu nạn nhân hoặc thủ phạm không có nơi ở khác thích hợp thì các cơ quan, tổ chức hữu quan phải bố trí chỗ ở cho họ (có thể ở tại nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa thôn, bản...)

Thứ tư, quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong phòng, chống bạo lực gia đình được quy định tại Chương IV Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (từ Điều 33 đến Điều 41). Tuy nhiên, Luật chỉ quy định chung chung về trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong thi hành Luật, mà không đề ra cơ chế cho việc thực thi trên thực tế. Vì vậy, theo chúng tôi, cần quy định chi tiết hơn về vấn đề này. Cụ thể cần quy định việc tuyên truyền xuyên của một số cơ quan, tổ chức cụ thể ở địa phương, cơ sở (Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ, Hội phụ nữ, Tổ dân phố...).

Đồng thời, cũng cần phải quy định những biện pháp xử lý cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình. Mặc dù Nghị định 167/2013/NĐ-CP đã bổ sung một số biện pháp xử lý nghiêm cán bộ, cơ quan, tổ chức phòng, chống BLGD có hành vi vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình như: 1) nhân viên tư vấn, y tế, phóng viên các cơ quan truyền thông nếu tiết lộ thông tin cá nhân của nạn nhân bạo lực gia đình mà không được sự đồng ý của nạn nhân làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của nạn nhân hoặc cố ý tiết lộ, tạo điều kiện cho người có hành vi bạo lực biết nơi tạm lánh của nạn nhân sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng; 2) nếu tổ chức, cá nhân có hành vi đòi tiền của nạn nhân sau khi có hành động giúp đỡ nạn nhân bị bạo hành hoặc lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của nạn nhân để yêu cầu họ thực hiện hành vi trái luật sẽ bị phạt 300.000 đồng; 3) đối với việc cố tình thành lập cơ sở tư

vấn về phòng, chống bạo lực gia đình hoặc lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để trục lợi sẽ bị phạt tới 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP chưa quy định bất cứ một hình thức xử phạt nào cho những hành vi dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật các hành vi bạo lực gia đình. Do đó, cần phải quy định chặt chẽ hơn trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình cũng như những chế tài xử lý thích đáng đối với các cơ quan, tổ chức để các vụ việc bạo lực xảy ra liên tục, kéo dài, không phát hiện và có biện pháp can thiệp kịp thời.

2. Hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình

Thứ nhất, quy định về hình thức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình

Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình đã đưa ra những chế tài cần thiết đối với người thực hiện hành vi bạo lực gia đình, các mức phạt đối với các hành vi vi phạm đã được điều chỉnh hợp lý hơn, khắc phục những tồn tại của các quy định cũ. Tuy nhiên, vẫn còn một số quy định về hình thức phạt tiền của Nghị định này chưa thực sự hợp lý và không có tính khả thi, cụ thể như:

- “Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây: 1). Cưỡng ép người khác kết hôn, ly hôn, tảo hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần hoặc bằng

thủ đoạn khác. 2) Cản trở người khác kết hôn, ly hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác”. Mức phạt như vậy là quá thấp, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, vì đối với những người có điều kiện kinh tế thì mức phạt tiền như trên là không có ý nghĩa giáo dục với họ. Còn đối với người có điều kiện kinh tế khó khăn thì biện pháp phạt tiền lại càng phản tác dụng do người có hành vi bạo lực vì phải nộp phạt mà trút giận lên nạn nhân bằng những hành vi bạo lực kinh khủng hơn, tinh vi hơn. Ngoài ra, trong trường hợp người có hành vi bạo lực không có thu nhập thì việc phạt tiền với họ là không khả thi, không có tác dụng, do họ không có công ăn việc làm, thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn và đánh đập vợ để lấy tiền uống rượu, khi bị xử phạt thì người phải bỏ tiền nộp phạt chính là nạn nhân (vợ, con).

- “Phạt tiền từ 500 nghìn đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi lăng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình” (Khoản 1 Điều 51 Nghị định số 167). Vậy mức độ lăng mạ, chửi bới thành viên trong gia đình như thế nào thì sẽ bị xử lý? Muốn có căn cứ để xử phạt cần có bằng chứng, có người đứng ra tố giác hoặc cơ quan chức năng phát hiện và xử lý. Trong khi đó, sự lăng mạ thực hiện bằng lời nói mà thường thì “lời nói gió bay” lấy gì làm căn cứ; liệu lực lượng cán bộ xã, công an... có đủ để theo sát từng nhà, phát hiện hành vi để xử lý trong khi tâm lý chung của người dân Việt Nam là không thích “vạch áo cho người xem lưng”? Mặt khác như đã phân tích ở trên, với mức xử phạt từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, đối với người có điều kiện thì họ sẵn sàng nộp phạt và coi như hết trách nhiệm,

như vậy, tính răn đe sẽ không cao. Còn nếu rơi vào gia đình có hoàn cảnh khó khăn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế của gia đình họ. Vì vậy, chắc chắn người người bị lăng mạ không dại gì lại đi khai báo với cơ quan chức năng chỉ vì một câu nói xúc phạm của chồng (vợ) để bị mất tiền, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình.

Xuất phát từ những bất cập nêu trên, chúng tôi cho rằng, có thể bỏ chế tài phạt tiền người chồng hoặc vợ khi có hành vi bạo hành mà dùng hình thức chế tài khác như lao động công ích tại địa phương... Nếu phạt chỉ làm trầm trọng thêm vấn đề tài chính mà chính nạn nhân lại là người gánh chịu, như vậy sẽ không đạt được mục đích của biện pháp chế tài hành chính này. Việc xử phạt lao động công ích tại địa phương cũng chạm được đến lòng tự trọng của họ, tạo nên tiếng nói dư luận, do đó họ sẽ cố gắng tránh bằng cách không thực hiện hành vi vi phạm, vì thế hiệu quả phòng, chống bạo lực gia đình sẽ cao hơn.

Thứ hai, theo quy định về xử lý hình sự đối với hành vi bạo lực gia đình

Theo quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành, khung hình phạt hiện nay đối với một số tội liên quan đến những hành vi bạo lực trong gia đình như: đối với tội bức tử (Điều 100) cao nhất là bảy năm tù, còn các tội khác mức hình phạt cao nhất cũng chỉ tới ba năm tù là chưa nghiêm, chưa đủ để mang tính răn đe. Cần quy định mức hình phạt đối với các hành vi bạo lực gia đình cao hơn mới có tác dụng ngăn chặn tình trạng bạo lực gia đình hiện nay ở Việt Nam. Đối với các tội giết người (Điều 93), tội cố ý gây thương tích (Điều 104) thì không có sự khác biệt giữa người thực hiện hành vi là thành viên gia đình hay không phải thành viên gia đình. Do đó pháp luật hình sự cần bổ sung thêm các tình tiết định khung như:

"phạm tội đối với vợ, chồng, con cái" và "gây tổn hại sức khỏe cho các thành viên trong gia đình" vào các tội danh trên. Hành vi hành hạ, ngược đãi gây thương tích, tước đoạt tính mạng của người khác đều là những hành vi mang tính chất đặc biệt nguy hiểm vì nó vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tính mạng - một trong những quyền cơ bản của con người, ảnh hưởng xấu cho gia đình và xã hội, làm băng hoại các giá trị đạo đức. Những hành vi này nếu đặt trong quan hệ gia đình thì nó càng mang tính chất nguy hiểm nhiều hơn và cần phải có sự trừng trị nghiêm khắc hơn, bởi những thành viên trong gia đình là những người đã luôn yêu

thương, chăm sóc nhau và gắn bó với nhau suốt cuộc đời.

Danh mục tài liệu tham khảo:

1. Xem: Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007;

2. Xem: Báo cáo nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam được Chính phủ Việt Nam và Liên hiệp quốc công bố ngày 25/11/2011;

3. Xem: Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Phòng cháy và chữa cháy; Phòng, chống bạo lực gia đình.

Đoàn Thị Ngọc Hải //
<http://moj.gov.vn>

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam trong lĩnh vực văn hoá - xã hội, được quy định trong các văn bản pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam và trong các Công ước Quốc tế (Hiến chương Liên Hợp Quốc, Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới, Công ước về quyền chính trị của phụ nữ, Công ước Liên Hợp Quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ...) mà nước CHXHCN Việt Nam đã tham gia ký kết.

Nhà nước đảm bảo bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình.

Bình đẳng giới là gì:

Bình đẳng giới là mối quan hệ không có sự phân biệt đối xử với phụ nữ, ở đó phụ nữ và nam giới có vị trí, vai trò, được đối xử và được thụ hưởng

ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình. Nam và nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình.

Mục tiêu cơ bản của bình đẳng giới là gì:

1. Xóa bỏ phân biệt đối xử về giới;
2. Tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ;
3. Thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

Những hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện bình đẳng giới:

1. Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới;

2. Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức;

3. Bạo lực trên cơ sở giới;

4. Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

Trong lĩnh vực chính trị, bình đẳng giới được quy định như thế nào:

1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội;

2. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức;

3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

4. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

Trong lĩnh vực kinh tế, bình đẳng giới được quy định như thế nào:

Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

Trong lĩnh vực lao động, bình đẳng giới được quy định như thế nào:

1. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc

làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác;

2. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh..

Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, bình đẳng giới được quy định như thế nào:

1. Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng;

2. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo;

3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;

4. Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

Trong lĩnh vực y tế, bình đẳng giới được quy định như thế nào:

1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế;

2. Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục;

3. Phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

Trong gia đình, bình đẳng giới được quy định như thế nào:

1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình;

2. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình;

3. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật;

4. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển;

5. Các thành viên nam, nữ trong gia đình cú trách nhiệm chia sẻ cùng việc gia đình.

Trong gia đình, những hành vi nào bị coi là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới:

1. Cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.

2. Không cho phép hoặc cản trở thành viên trong gia đình tham gia ý kiến vào việc sử dụng tài sản chung của gia đình, thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì định kiến giới.

3. Đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.

4. Hạn chế việc đi học hoặc ép buộc thành viên trong gia đình bỏ học vì lý do giới tính.

5. Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên thuộc một giới nhất định.

Người có hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới sẽ bị xử lý như thế nào:

1. Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Nhà nước phải có những biện pháp gì để thúc đẩy bình đẳng giới:

1. Quy định tỷ lệ nam, nữ hoặc bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng tham gia, thụ hưởng;

2. Đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ năng lực cho nữ hoặc nam;

3. Hỗ trợ để tạo điều kiện, cơ hội cho nữ hoặc nam;

4. Quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù cho nữ hoặc nam;

5. Quy định nữ được quyền lựa chọn trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam;

6. Quy định việc ưu tiên nữ trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam;

7. Ngoài các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trên thì trong từng lĩnh vực nhà nước còn quy định những biện pháp cụ thể phù hợp với từng lĩnh vực đó. Cụ thể:

*** Trong lĩnh vực chính trị, có các biện pháp:**

- Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới;

- Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

*** Trong lĩnh vực kinh tế, có các biện pháp:**

- Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật;

- Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật.

*** Trong lĩnh vực lao động, có các biện pháp:**

- Quy định tỷ lệ nam, nữ được tuyển dụng lao động;

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ;

- Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc trong một số ngành, nghề nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

*** Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, có các biện pháp:**

- Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo;

- Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật.

Trong lao động, những hành vi nào bị coi là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới:

1. Áp dụng các điều kiện khác nhau trong tuyển dụng lao động nam và lao động nữ đối với cùng một công việc mà nam, nữ đều có trình độ và khả

năng thực hiện như nhau, trừ trường hợp áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới;

2. Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế lao động, sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;

3. Phân công công việc mang tính phân biệt đối xử giữa nam và nữ dẫn đến chênh lệch về thu nhập hoặc áp dụng mức trả lương khác nhau cho những người lao động có cùng trình độ, năng lực vì lý do giới tính;

4. Khung thực hiện các quy định của pháp luật lao động quy định riêng đối với lao động nữ.

Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới được pháp luật quy định như thế nào:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Việc giải quyết khiếu nại về bình đẳng giới được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Việc tố cáo và giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới được pháp luật quy định như thế nào:

1. Cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

2. Việc tố cáo, giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo./.

// <https://www.quangbinh.gov.vn>

VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

PHẦN I. VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN BÌNH ĐẲNG GIỚI

A. Văn bản chỉ đạo của Đảng

1. Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

2. Kết luận số 55-KL/TW ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Ban Bí thư khóa XI

3. Thông báo kết luận 196-TB/TW ngày 16/03/2015 của Ban Bí thư về Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới"

B. Các văn bản của Quốc hội, Chính phủ, ngành

1. Luật Bình đẳng giới

2. Chỉ thị số 10/2007/CT-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới

3. Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới

4. Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới

5. Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2009 của Chính

phủ về xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới

6. Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

7. Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020

8. Văn bản số 2443/LĐTBXH-BĐG ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới

9. Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ

10. Quyết định 1696/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020

11. Quyết định 178/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Thông báo kết luận

196-TB/TW ngày 16/03/2015 của Ban Bí thư về Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới"

12. Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 về việc phê duyệt Đề án thực hiện Bình đẳng giới trong cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020.

13. Quyết định số 91/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/01/2016 về việc Phê duyệt Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHẦN II: CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

2. Chỉ thị số 16/2008/CT-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

3. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 2 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

4. Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình

5. Quyết định số 2879/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Về việc triển khai mô hình can thiệp phòng, chống bạo lực gia đình trên toàn quốc

6. Thông tư số 02 /2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình

7. Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 06/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020

PHẦN III: MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC VĂN KIẾN QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN

1. Công ước Quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) (*Điều 1 đến Điều 16*)

2. Công ước số 100 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ cho một công việc có giá trị ngang nhau, năm 1951 (*Điều 1 và Điều 2*)

3. Công ước số 111 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về phân biệt đối xử trong Việc làm và Nghề nghiệp, năm 1958 (*Điều 1 đến Điều 5*)

4. Công ước số 156 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về Bình đẳng về cơ hội và đối xử với lao động nam và nữ: những người lao động có trách nhiệm gia đình, năm 1981 (*Điều 1 đến Điều 8*)

// <http://congdoan.vnuf.edu.vn>